

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo 08/5/2025

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và căn cứ ý kiến của Phó thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc tại công văn số 647/VPCP-KTTH ngày 24/01/2025 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

a) Ngày 01/01/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về việc giao Bộ Tài chính trình Chính phủ “Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan”.

b) Ngày 20/5/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 628/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược phát triển hải quan đến năm 2030 với mục tiêu xây dựng Hải quan Việt Nam chính quy, hiện đại, ngang tầm Hải quan các nước phát triển trên thế giới, dẫn đầu trong thực hiện Chính phủ số, với mô hình Hải quan số, Hải quan thông minh. Nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hải quan, quản lý hải quan. Quản lý thu thuế đối với hoạt động xuất nhập khẩu hiệu quả. Tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, du lịch và vận tải hợp pháp qua biên giới, tạo môi trường xuất nhập khẩu minh bạch, công bằng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, góp phần đảm bảo an ninh, an toàn xã hội và bảo vệ lợi ích, chủ quyền quốc gia.

c) Ngày 06/12/2024, Ban chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ban hành kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 về định hướng sắp xếp,

tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ. Theo đó đến nay Bộ Tài chính đã hoàn thiện việc rà soát, xây dựng sắp xếp tổ chức bộ máy của các Tổng cục, trong đó bao gồm việc xây dựng mô hình tổ chức bộ máy mới của Tổng cục Hải quan.

Ngày 24/02/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 29/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính theo đó sắp xếp, tổ chức lại Tổng cục Hải quan thành Cục Hải quan, mô hình hoạt động của Cục Hải quan theo 03 cấp: Cục Hải quan, Chi cục Hải quan khu vực và Hải quan cửa khẩu/Hải quan ngoài cửa khẩu.

d) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã nêu rõ: *“Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực;... Để triển khai thực hiện, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/2/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.*

đ) Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

e) Tại điểm 2 Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/2/2025 về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên đã nêu: *“Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng “vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển”, từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”; đề cao phương pháp “quản lý theo kết quả”, chuyển mạnh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát.”*

g) Điểm d khoản 4 mục V Điều 1 Quyết định số 1018/QĐ-TTg ngày 21/9/2024 của Thủ tướng Ban hành chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn 2050: *“Thiết lập cơ chế làn xanh và các cơ chế khác để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phụ trợ, doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hoá, nguyên liệu, vật tư, linh kiện liên quan đến công nghiệp bán dẫn, thiết bị dân dụng, chuyên dụng thế hệ mới”.*

h) Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội về kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV đã nêu: *“Tiếp tục đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến;... đẩy mạnh kết nối, tích hợp, chia sẻ các thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính, cung ứng dịch vụ công”.*

k) Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

2. Cơ sở thực tiễn

Ngày 21/01/2015, Chính phủ ban hành Nghị định số 08/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; một số điều tại Nghị định cũng đã được Chính phủ sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018. Qua thời gian thực hiện, Nghị định đã góp phần thúc đẩy tiến trình cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư và hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá, nâng cao hiệu quả của hoạt động hải quan và đảm bảo quản lý nhà nước về hải quan. Tuy nhiên, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP đã bộc lộ một số vướng mắc, không còn phù hợp với thực tế công tác quản lý hiện nay hoặc chồng chéo với các quy định mới được ban hành, như: quy định về khai và nộp hồ sơ hải quan, công tác kiểm tra sau thông quan, chương trình doanh nghiệp ưu tiên, công tác kiểm tra, xác định trị giá hải quan, các quy định liên quan đến Cơ chế một cửa quốc gia, kiểm tra chuyên ngành,...

Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hải quan đã được sửa đổi, bổ sung và ban hành như Luật Quản lý thuế, Nghị định số 18/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016...; ngoài ra, Việt Nam đã mở rộng tham gia ký kết một số Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới (như: EVFTA, CPTPP,...) đã khẳng định những cam kết sâu rộng và toàn diện, sẽ tạo điều kiện và động lực cơ hội để thay đổi, cải thiện chính sách và pháp luật theo hướng minh bạch hơn, thuận lợi và phù hợp hơn với thông lệ quốc tế.

Chấp hành chủ trương của Bộ Chính trị tại điểm 2 Nghị quyết số 57-NQ/TW về việc *“2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”*.

Thực hiện nhiệm vụ và giải pháp nêu tại điểm 2 Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/2/2025 về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên:

“- Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng “vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển”, từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”; đề cao phương pháp “quản lý theo kết quả”, chuyển mạnh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát.

- Tập trung cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo mọi điều kiện giải quyết nhanh các thủ tục đầu tư, các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động đầu tư kinh doanh, khuyến khích đầu tư của mọi

thành phần kinh tế. Thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Đẩy mạnh và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống.”

Căn cứ điểm d khoản 4 mục V Điều 1 Quyết định số 1018/QĐ-TTg ngày 21/9/2024 của Thủ tướng Ban hành chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn 2050: *Thiết lập cơ chế làn xanh và các cơ chế khác để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phụ trợ, doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hoá, nguyên liệu, vật tư, linh kiện liên quan đến công nghiệp bán dẫn, thiết bị dân dụng, chuyên dụng thế hệ mới;*

Căn cứ kết luận tại về giao nhiệm vụ giải pháp cho các Bộ, Ngành tại điểm đ khoản 1 mục V Thông báo 5/TB-VPCP ngày 06/01/2025 về Kết luận của Ban Chỉ đạo quốc gia về phát triển ngành công nghiệp bán dẫn tại Phiên họp thứ nhất ngày 14/12/2024: *“Quyết liệt, sâu sát hơn nữa trong công tác nghiên cứu, tham mưu hoàn thiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp bán dẫn; tập trung tháo gỡ các vướng mắc về thể chế để tạo môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi, tăng sức cạnh tranh để thu hút các nhà đầu tư; cắt giảm chi phí tuân thủ pháp luật, hỗ trợ doanh nghiệp trong nước tham gia phát triển bán dẫn.*

Thực hiện nhiệm vụ nêu tại điểm b khoản 9 mục V Thông báo số 5/TB-VPCP ngày 06/01/2025 đã giao Bộ Tài chính nhiệm vụ: *Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, cơ quan liên quan để nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế, tài chính (điểm a khoản 9 mục V); chủ trì, phối hợp Bộ Công Thương và các bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá, đặc biệt là hoạt động mua bán hàng hoá giữa các doanh nghiệp chế xuất hoạt động trong nước để giảm thời gian thông quan và thủ tục tương đương với các nước trong khu vực như Malaysia, Philippines (chỉ còn 2 - 3 giờ), góp phần làm giảm chi phí logistics, cải thiện môi trường đầu tư của Việt Nam.*

Thực hiện kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 101/TB-VPCP ngày 11/3/2025 tại toạ đàm giữa Thủ tướng chính phủ với các doanh nghiệp Châu Âu: *“Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu, xem xét trả lời, xử lý các đề xuất, kiến nghị của các doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam liên quan đến chính sách thuế, phí, hải quan, xuất nhập khẩu tại chỗ, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.”*

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

Dự thảo Nghị định được xây dựng và ban hành để quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, kịp thời thống nhất các nội dung trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng mô hình hải quan thông minh,

hải quan số gắn với triển khai Đề án tái thiết kế hệ thống công nghệ thông tin tổng thể ngành Hải quan và Chiến lược phát triển hải quan đến năm 2023; đồng thời đơn giản hoá, đảm bảo tính minh bạch trong việc thực hiện các thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá, xuất nhập cảnh phương tiện vận tải và đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung và tương thích với các điều ước quốc tế liên quan đến lĩnh vực hải quan; ngoài ra, củng cố cơ sở pháp lý về chuẩn cơ sở dữ liệu đầu vào phục vụ quản lý nhà nước về hải quan; công tác trị giá hải quan; thẩm quyền xử lý, thực thi công vụ của cơ quan hải quan trong các hoạt động kiểm tra sau thông quan và điều tra chống buôn lậu; nâng cao tính tuân thủ pháp luật của người khai hải quan.

2. Quan điểm

- *Thứ nhất*, sửa đổi những nội dung vướng mắc, bất cập của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, Nghị định số 59/2018/NĐ-CP và những nội dung chưa thống nhất của Nghị định này với các văn bản quy phạm pháp luật khác, các điều ước quốc tế mới ký kết hoặc gia nhập có liên quan đến lĩnh vực hải quan;

- *Thứ hai*, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hoá các khâu nghiệp vụ hải quan; đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 trong công tác quản lý hải quan, tiến đến xây dựng mô hình hải quan số, hải quan thông minh.

- *Thứ ba*, sửa đổi và đơn giản hoá thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, nâng cao ý thức trách nhiệm của doanh nghiệp đồng thời nâng cao, hoàn thiện công tác quản lý hải quan đối với hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá, xuất nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải;

- *Thứ tư*, tuân thủ thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành Nghị định theo đúng Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020) và các văn bản hướng dẫn.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh

Giữ nguyên phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, cụ thể: “*Nghị định này quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan và kiểm soát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, thông tin có liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về hải quan.*”

2. Đối tượng áp dụng

Giữ nguyên quy định tại Điều 2 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP về đối tượng áp dụng, cụ thể:

“1. Tổ chức, cá nhân thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải.

2. Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải.

3. Cơ quan hải quan, công chức hải quan.

4. Cơ quan khác của Nhà nước trong việc phối hợp quản lý nhà nước về hải quan.”

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Bộ Tài chính đã thực hiện xây dựng dự thảo Nghị định theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020), cụ thể:

1. Thành lập Ban soạn thảo: Quyết định số 1853/QĐ-BTC ngày 27/11/2020 và Quyết định số 2671/QĐ-BTC ngày 08/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về kiện toàn Ban soạn thảo xây dựng dự thảo Nghị định (thay thế Quyết định số 1853/QĐ-BTC ngày 27/11/2020).

2. Dự thảo Nghị định đã được gửi lấy ý kiến các Bộ ngành, UBND các tỉnh, thành phố, cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức cá nhân chịu sự tác động, đăng tải dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tài chính, Cục Hải quan.

3. Dự thảo Nghị định đã được Bộ Tư pháp thẩm định và trình Chính phủ 02 lần (tờ trình số 246/TTr-BTC ngày 27/12/2021 và tờ trình số 106/TTr-BTC ngày 12/5/2022). Văn phòng Chính phủ có Phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ (TVCP) số 170/PLYK/2022 ngày 02/6/2022 về dự thảo Nghị định. Bộ Tài chính đã có công văn số 7501/BTC-TCHQ ngày 01/8/2022, công văn số 9519/BTC-TCHQ ngày 19/9/2022, công văn số 11143/BTC-TCHQ ngày 28/10/2022, công văn số 12821/BTC-TCHQ ngày 05/12/2022, công văn số 13743/BTC-TCHQ ngày 27/12/2022 giải trình và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, do còn ý kiến của Bộ Công Thương liên quan nội dung quy định về xuất nhập khẩu tại chỗ quy định tại Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP nên dự thảo Nghị định chưa được phê duyệt.

Thực hiện Thông báo số 39/TB-VPCP ngày 20/02/2023, công văn số 6777/VPCP-KTTH ngày 01/9/2023, công văn số 8482/VPCP-KTTH ngày 30/10/2023 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính (Cục Hải quan) đã tổ chức nhiều cuộc họp với các Bộ ngành, nhiều cuộc hội thảo với các Hiệp hội, cộng đồng doanh nghiệp và có công văn số 9133/BTC-TCHQ ngày 25/8/2023, công văn số 10961/BTC-TCHQ ngày 10/10/2023 báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái. Đồng thời, Bộ Tài chính có công văn số 12241/BTC-TCHQ ngày 09/11/2023 đề nghị Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương,

Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham gia ý kiến cụ thể vào các nội dung đã được Bộ Tài chính đánh giá, phân tích và đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung Điều 35 tại công văn số 10961/BTC-TCHQ. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ, Bộ Tài chính đã có công văn số 5436/BTC-TCHQ ngày 28/5/2024 gửi Thủ tướng Chính phủ và Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái. Ngày 27/06/2024, Văn phòng Chính phủ có công văn số 4493/VPCP-KTTH thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái: *Bộ Tài chính chủ trì, trực tiếp làm việc với Lãnh đạo các Bộ, cơ quan liên quan để trao đổi, thống nhất về việc bãi bỏ quy định về xuất nhập khẩu tại chỗ tại Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung so với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2015/NĐ-CP đã được Thành viên Chính phủ thông qua; bảo đảm chặt chẽ, khoa học, khả thi, hiệu quả đúng Quy chế làm việc của Chính phủ và quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính tổng hợp, hoàn thiện tờ trình và hồ sơ dự thảo Nghị định, trình Chính phủ trong Quý IV/2024.*

Thực hiện công văn số 4493/VPCP-KTTH nêu trên, Bộ Tài chính (Cục Hải quan) đã có các công văn lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (9770/BTC-TCHQ ngày 16/9/2024; 4273/TCHQ-GSQL ngày 06/9/2024; công văn số 4275/TCHQ-GSQL ngày 06/9/2024; công văn số 4277/TCHQ-GSQL ngày 06/9/2024; công văn số 4276/TCHQ-GSQL ngày 06/9/2024); đăng tải toàn văn dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tài chính, Cục Hải quan để các đơn vị, tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến đối với dự thảo Nghị định; đồng thời, tổ chức Hội thảo tại Hà Nội (ngày 07-08/11/2024) và TP Hồ Chí Minh (ngày 21-22/11/2024) để lấy ý kiến Hải quan địa phương; doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp đối với dự thảo Nghị định..

Thực hiện Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ, Bộ Tài chính đã có công văn số 14318/BTC-TCHQ ngày 26/12/2024 xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc cho phép chuyển nhiệm vụ triển khai xây dựng Nghị định đến năm 2025 để rà soát tổng thể, đảm bảo việc sửa đổi, bổ sung các quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan tại Nghị định được đồng bộ, thống nhất, đáp ứng yêu cầu quản lý và mô hình tổ chức bộ máy mới của Tổng cục Hải quan sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Ngoài ra, thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 1018/QĐ-TTg ngày 21/9/2024 của Thủ tướng Ban hành chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn 2050; Thông báo số 101/TB-VPCP ngày 11/3/2025 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại tọa đàm với các doanh nghiệp Châu Âu, Bộ Tài chính đang kiến nghị đưa vào Luật sửa

đổi, bổ sung nhiều Luật nội dung sửa đổi Luật Hải quan liên quan đến kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ.

4. Về ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

- Lần 1: Ngày 21/9/2021, Bộ Tài chính đã có văn bản số 10901/BTC-TCHQ gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định. Bộ Tư pháp đã thành lập Hội đồng thẩm định, tổ chức họp Hội đồng và có ý kiến thẩm định dự thảo Nghị định kèm theo Báo cáo số 224/BCTĐ-BTP ngày 18/11/2021.

- Lần 2: Ngày /2025, Bộ Tài chính đã có văn bản số..... gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình (theo Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định gửi kèm).

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Dự thảo đã được lấy ý kiến thành viên Chính phủ (Dự thảo lần 1):

1.1. Về hình thức

Theo tờ trình Chính phủ số 246/TTr-BTC và số 106/TTr-BTC, dự thảo Nghị định sẽ: Kế thừa các nội dung Nghị định số 59/2018/NĐ-CP hiện đang thực hiện ổn định, không có vướng mắc phát sinh và bổ sung các nội dung sửa đổi Nghị định gốc là Nghị định số 08/2015/NĐ-CP (bao gồm các nội dung cần sửa đổi tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP); Bãi bỏ Nghị định số 59/2018/NĐ-CP.

1.2. Về bố cục

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung 54 Điều tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP (trong đó sửa: 52 Điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP; 02 Điều của Nghị định số 59/2018/NĐ-CP); bổ sung 02 Điều mới; bãi bỏ 13 khoản/Điều (trong đó kế thừa 04 khoản/ Điều bãi bỏ của Nghị định số 59/2018/NĐ-CP và 09 khoản/ Điều bãi bỏ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP); kế thừa 10 nội dung sửa đổi, bổ sung của Nghị định số 59/2018/NĐ-CP.

1.3. Về nội dung

Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ gồm 15 nhóm nội dung chính:

- Nhóm vấn đề về thủ tục hải quan;
- Nhóm vấn đề về kiểm tra chuyên ngành, một cửa quốc gia;
- Nhóm vấn đề về trị giá hải quan;
- Nhóm vấn đề về công tác phân loại hàng hóa;
- Nhóm vấn đề về quản lý hàng gia công, sản xuất xuất khẩu;
- Nhóm vấn đề đối với hàng hóa quá cảnh;
- Nhóm vấn đề đối với hàng hóa tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập;

- Nhóm vấn đề về thủ tục đối với hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh;
- Nhóm vấn đề bổ sung quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa cung ứng lên tàu bay, tàu biển xuất cảnh;
- Nhóm vấn đề về thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải xuất nhập cảnh, quá cảnh đường hàng không, đường biển;
- Nhóm vấn đề về công tác quản lý phương tiện vận tải đường bộ, đường thủy nội địa và các phương tiện vận tải khác;
- Nhóm vấn đề về công tác quản lý kho ngoại quan;
- Nhóm vấn đề về chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp;
- Nhóm vấn đề về kiểm tra sau thông quan;
- Nhóm vấn đề về công tác chống buôn lậu.

2. Dự thảo Nghị định mới (dự thảo lần 2) so với dự thảo đã lấy ý kiến thành viên Chính phủ:

Tại dự thảo đã sửa đổi, bổ sung 59 Điều, mục Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, trong đó: (i) Giữ nguyên 10 nội dung sửa đổi Điều, mục và một số nội dung bãi bỏ tại dự thảo lần 1; (ii) Tiếp tục sửa đổi, bổ sung 46 Điều, 01 nội dung chuyển tiếp và bãi bỏ 07 Điều tại dự thảo lần 1; (iii) Sửa đổi, bổ sung mới, chưa có tại dự thảo lần 1: 02 Điều và một số nội dung sửa đổi tên gọi, chức danh theo cơ cấu tổ chức mới; kế thừa nội dung bãi bỏ từ Nghị định khác để đảm bảo thống nhất; (iv) Đề nghị giữ nguyên quy định hiện hành, không sửa đổi như dự thảo lần 1: 02 Điều (*chi tiết các Điều khoản sửa đổi theo phụ lục gửi kèm*).

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/2/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội về kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV; Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026; Quyết định số 1018/QĐ-TTg ngày 21/9/2024 của Thủ tướng ban hành chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn 2050; Bộ Tài chính xin báo cáo Chính phủ tổng thể các nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ tại dự thảo Nghị định lần này, cụ thể như sau:

2.1. Nội dung sửa đổi liên quan đến mô hình tổ chức bộ máy mới

Theo Nghị định số 29/2025/NQ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính; Quyết định số 382/QĐ-BTC ngày 26/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan và một số quy định chức năng, nhiệm vụ của các Chi cục, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi một số nội dung tại dự thảo Nghị định như sau:

2.1.1. Thông quan hàng hóa tập trung

Tại dự thảo Nghị định sửa đổi một số Điều, khoản theo hướng quy định chung cơ quan thực hiện thủ tục hành chính như: Chi cục Hải quan khu vực quản lý địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh/ Chi cục Hải quan khu vực nơi dự kiến làm thủ tục hải quan/ Hải quan nơi có cơ sở sản xuất, dự án.... (tại Điều 4, Điều 25, Điều 50,)

2.1.2. Sửa đổi tên cơ quan, đơn vị, chức danh, thẩm quyền theo tổ chức bộ máy mới

- Đối với các Điều, khoản, điểm tại dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ: Bộ Tài chính đã sửa trực tiếp tên cơ quan, đơn vị, chức danh, thẩm quyền tại dự thảo Nghị định (Điều 4, 11, 12, 24, 25, 67, 72, 77, 103, 104...);

- Đối với các Điều, khoản, điểm đang được giữ nguyên tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, chưa có tại dự thảo Nghị định trình Chính phủ: Bộ Tài chính đề xuất bổ sung khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị định về việc thay thế một số cụm từ theo tên cơ quan, đơn vị, chức danh, thẩm quyền mới.

2.2. Nội dung sửa đổi liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết số 66/NQ-CP, Nghị quyết số 142/2024/QH15, dự thảo có 19 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung theo đúng chỉ đạo của Bộ Chính trị, Chính phủ, Quốc hội theo hướng đảm bảo đơn giản hóa thành phần hồ sơ hải quan, đẩy mạnh số hóa hồ sơ, thực hiện các thủ tục hành chính theo phương thức điện tử, qua đó rút ngắn thời gian thông quan, giải phóng hàng, cụ thể:

2.2.1. Quy định về khai tờ khai giấy

a) Quy định hiện hành: khoản 2 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP quy định về các trường hợp khai tờ khai giấy.

b) Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ: kế thừa quy định tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP và bổ sung thêm 03 trường hợp được khai tờ khai giấy gồm: hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi của người xuất cảnh, nhập cảnh; hàng tạm xuất, tái nhập phục vụ an ninh quốc phòng; nhiên liệu chứa trong phương tiện vận tải chuyên dùng tự hành hoặc không tự hành tạm nhập tái xuất.

c) *Vướng mắc:* Hiện nay, ngành Hải quan đã triển khai xây dựng và vận hành nhiều hệ thống thông tin hỗ trợ việc khai báo hải quan điện tử như: Hệ thống VNACCS/VCIS, Hệ thống ECUS5, Hệ thống thông quan điện tử Ecus 6 (được xây dựng với chức năng dự phòng khi hệ thống VNACCS/VCIS gặp sự cố). Người khai hải quan có thể khai báo tờ khai trước qua cổng khai báo điện tử (qua cài đặt phần mềm hoặc truy cập website). Đồng thời, Hệ thống của cơ quan hải quan được kết nối, liên thông với các Bộ ngành như Bộ Công an, Bộ Quốc phòng,... Việc khai báo điện tử và cơ chế liên thông với các cơ quan góp phần tăng tính minh bạch, giảm nguy cơ sai sót, gian lận cũng như thuận lợi trong công tác quản lý hải quan, giảm thời gian thông quan, giảm chi phí cho doanh nghiệp. Ngoài ra, triển khai thực hiện thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 66/NQ-CP thì quy định về các trường hợp được phép khai trên tờ khai giấy cần được sửa đổi theo hướng chuyển dần các đối tượng sang khai báo theo phương thức điện tử.

d) *Đề xuất:*

Sửa đổi khoản 2 Điều 25 theo hướng chỉ có một số trường hợp được lựa chọn khai theo phương thức điện tử hoặc khai trên tờ khai giấy, gồm: (i) *Hành lý vượt định mức miễn thuế;* (ii) *Hàng xuất khẩu, nhập khẩu, tạm xuất, tái nhập phục vụ an ninh quốc phòng;* (iii) *Hàng hóa của cá nhân được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ;* (iv) *Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, hệ thống khai hải quan điện tử gặp sự cố, không thực hiện được các giao dịch điện tử và* (v) *Hàng hóa khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.*

Các trường hợp khác thực hiện thủ tục hải quan theo phương thức điện tử thông qua đại lý hải quan.

2.2.2. Quy định về hồ sơ hải quan đối với hàng hóa trung chuyển

a) *Quy định hiện hành:* Khoản 7 Điều 44 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP quy định về hồ sơ hải quan đối với hàng hóa trung chuyển.

b) *Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ:* hồ sơ hải quan đối với hàng hóa trung chuyển được kế thừa quy định tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP.

c) *Vướng mắc:* Thực tế hàng hóa trung chuyển chỉ có tờ khai hải quan hoặc các chứng từ thay thế tờ khai hải quan, không có các giấy tờ khác (pháp luật chuyên ngành không quy định hàng hóa trung chuyển phải kiểm tra chuyên ngành và xin giấy phép của cơ quan chuyên ngành). Việc quy định hàng hóa trung chuyển phải khai báo tờ khai hoặc các chứng từ thay thế tờ khai đã được dẫn chiếu tại điểm a khoản 5 Điều này.

d) *Đề xuất:* Bỏ nội dung về hồ sơ hải quan đối với hàng hóa trung chuyển tại Điều 44 gồm chứng từ vận tải, bảng kê chi tiết hàng hóa trung chuyển, văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền, thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành.

2.2.3. Về quản lý hàng gia công, sản xuất xuất khẩu (GC, SXKK)

a) Quy định hiện hành

Các nội dung về thủ tục hải quan, quản lý đối với hàng gia công, SXKK đang được quy định từ Điều 36 đến Điều 41 Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ.

b) Vướng mắc bất cập phát sinh

- Quy định hiện hành đang yêu cầu người khai hải quan trước khi nhập khẩu nguyên liệu vật tư lần đầu tiên phải nộp giấy đăng ký kinh doanh, giấy tờ chứng minh giao Chi cục Hải quan nơi tiếp nhận thông báo cơ sở sản xuất. Tuy nhiên, theo mô hình tổ chức mới thì các chức năng nhiệm vụ của Chi cục Hải quan hiện hành được chuyển tiếp, bàn giao cho Hải quan ngoài cửa khẩu/cửa khẩu. Do vậy, để tránh vướng mắc khi thực hiện, chỉ cần quy định nguyên tắc “cơ quan hải quan”.

- Quy định hiện hành chưa cập nhật các quy định về điều kiện miễn thuế đối với hàng sản xuất xuất khẩu tại Nghị định 18/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 134/2016/NĐ-CP. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến tiếp các UBND, Hải quan địa phương, các Hiệp hội và cộng đồng doanh nghiệp, cần thiết phải dẫn chiếu quy định về hồ sơ, chứng từ phải xuất trình khi nhập khẩu hàng hoá để sản xuất xuất khẩu thuế gia công lại tại Nghị định 18/2021/NĐ-CP.

- Theo quy định hiện hành thì mọi sự thay đổi nội dung đã thông báo về cơ sở sản xuất, tổ chức, cá nhân phải có thông báo sửa đổi, bổ sung với cơ quan hải quan dẫn đến khó khăn cho doanh nghiệp khi thực hiện. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Hiệp hội doanh nghiệp, dự kiến chỉ khi có sự thay đổi các thông tin liên quan đến điều kiện miễn thuế (nhà xưởng, máy móc, thiết bị, hợp đồng thuê mặt bằng) hoặc ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc đưa đi thuê gia công lại, thay đổi nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc thiết bị, sản phẩm thì phải thông báo ngay cho cơ quan hải quan. Các thông tin khác thì thông báo vào ngày 10 của tháng trong quý tiếp theo.

- Đối với trường hợp lần đầu nhập khẩu máy móc thiết bị (doanh nghiệp phải thông báo cơ sở sản xuất trước khi nhập khẩu), tuy nhiên tại thời điểm thông báo thì có thể chưa có đủ máy móc thiết bị, sau đó doanh nghiệp tiến hành nhập khẩu. Do vậy, nếu kiểm tra ngay tại thời điểm thông báo thì cơ sở sản xuất chưa đủ điều kiện do chưa nhập khẩu, lắp đặt máy móc thiết bị. Trường hợp sau khi nhập khẩu, đầy đủ máy móc thiết bị mới thực hiện việc kiểm tra thì cần nêu rõ các tờ khai nhập khẩu sau khi thông báo đến thời điểm kiểm tra cũng được áp dụng ưu đãi thuế, tránh tình huống điều kiện lắp không thể thực hiện được (điều kiện trong điều kiện).

c) Đề xuất

Thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-TW về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Bộ Tài chính đã triển khai mô hình tổ chức bộ máy mới; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi

mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 1018/QĐ-TTg ngày 21/9/2024 của Thủ tướng Ban hành chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn 2050; Nghị quyết 190/2025/QH15 ngày 19/2/2025, chỉ thị 05/CT-TTg ngày 1/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đột phá thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, công văn 219/TTg-KSTT ngày 27/2/2025 của Thủ tướng Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm 30% hồ sơ, giấy tờ cho người dân và doanh nghiệp. Bộ Tài chính kiến nghị sửa đổi, bổ sung nội dung gia công, sản xuất xuất khẩu như sau:

- Sửa đổi khoản 1 Điều 37 về trách nhiệm của người khai hải quan khi thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu, theo đó, người khai hải quan chỉ cần có văn bản thông báo có cơ sở sản xuất, cam kết thực hiện sản xuất kinh doanh đúng ngành nghề đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Người khai hải quan không cần xuất trình các chứng từ về giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chứng từ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu về cơ sở sản xuất, mặt bằng sản xuất tại thời điểm nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc thiết bị. Đồng thời, bỏ các quy định phải thông báo về Điều lệ tổ chức hoạt động, sổ cổ đông, báo cáo tài chính đối với trường hợp nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu nhưng sau đó thuê gia công lại (do tại thời điểm nhập khẩu chưa thể xác định hoặc phát sinh hoạt động gia công lại, trường hợp phát sinh hoạt động gia công lại ngay sau khi nhập khẩu thì chỉ cần thông báo cho cơ quan hải quan trước khi đưa đi gia công lại). Các chứng nêu trên doanh nghiệp sẽ xuất trình cho cơ quan hải quan khi kiểm tra cơ sở sản xuất (bao gồm kiểm tra cơ sở gia công lại), kiểm tra báo cáo quyết toán, kiểm tra tình hình sử dụng. Trường hợp có sự thay đổi các thông tin đã thông báo thì người khai hải quan phải thông báo ngay khi có sự thay đổi các thông tin liên quan đến ngành nghề đăng ký kinh doanh có điều kiện, địa điểm sản xuất, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, hàng hoá sản xuất ra, máy móc thiết bị, đối với các thông tin khác thì thông báo vào ngày 10 tháng tiếp theo của quý sau.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 39 Nghị định về kiểm tra cơ sở sản xuất theo hướng: Cơ quan hải quan nơi tiếp nhận thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu quyết định việc kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu. Bổ sung thêm trường hợp có cơ sở sản xuất nhưng qua kiểm tra không đúng như nội dung thông báo thì cũng không được áp dụng chính sách ưu đãi thuế. Ngoài ra, hướng dẫn rõ đối với trường hợp qua kiểm tra cơ sở sản xuất kết luận đủ điều kiện thực hiện gia công, sản xuất xuất khẩu thì được áp dụng chính sách thuế kể từ thời điểm tổ chức cá nhân thông báo trước khi nhập khẩu máy móc thiết bị cho cơ quan hải quan.

Sự thay đổi quản lý tại quy định này cho phép doanh nghiệp được áp dụng chính sách ưu đãi thuế từ thời điểm nhập khẩu (sau khi thông báo cơ sở sản xuất cho cơ quan hải quan) cho đến thời điểm cơ quan hải quan có kết luận kiểm tra, chủ động lựa chọn cơ quan hải quan để nộp báo cáo quyết toán và làm thủ tục nhập

khẩu, xuất khẩu tại một cơ quan hải quan có quản lý cơ sở sản xuất. Trường hợp có nhiều cơ sở sản xuất đóng tại nhiều cơ quan hải quan quản lý khác nhau thì hải quan quản lý địa bàn sẽ tiếp nhận thông báo và thực hiện kiểm tra cơ sở sản xuất theo quy định. Kết quả kiểm tra được cập nhật vào cơ sở dữ liệu chung của Ngành hải quan.

2.2.4. Một số nội dung sửa đổi theo hướng đơn giản hóa thành phần hồ sơ hải quan, đẩy mạnh việc thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, cụ thể: bỏ “hợp đồng quá cảnh” tại Điều 43 (hồ sơ đối với hàng hóa quá cảnh); bỏ “văn bản của bên nước ngoài thông báo hàng bị trả lại hoặc văn bản của hãng tàu/ đại lý hãng tàu thông báo không có người nhận” tại Điều 47 (hồ sơ hải quan tái nhập hàng hóa đã xuất khẩu); bỏ “văn bản chấp nhận nhận lại hoặc chỉ định xuất cho bên thứ ba của chủ hàng nước ngoài” tại Điều 48 (hồ sơ hải quan tái xuất hàng hóa nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan); bỏ quy định nộp giấy đăng ký phương tiện tại hồ sơ hải quan tại Điều 74, Điều 75, Điều 79, ...

2.3. Nội dung sửa đổi phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 193/2025/QH15 và Nghị quyết số 71/NQ-CP, Quyết định số 1018/QĐ-TTg ..., Bộ Tài chính đã tổ chức nghiên cứu, rà soát quy định pháp luật hiện hành, đề xuất các chính sách đột phá, tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cũng như để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đạt mục tiêu 8%. Theo đó, để hoàn thiện thể chế nhằm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cũng như thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo các chủ trương của Đảng, Nhà nước và giải quyết một số vướng mắc thực tế trong quá trình thực thi và quản lý, Bộ Tài chính đã đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 42, Điều 43 Luật Hải quan liên quan đến điều kiện áp dụng, chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp công nghiệp bán dẫn, doanh nghiệp công nghệ cao và bổ sung Điều 47a về kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ.

Do vậy, để đảm bảo đồng bộ cơ sở pháp lý, Bộ Tài chính đề xuất như sau:

2.3.1. Quy định về chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp

a) Quy định hiện hành: Điều 9, 10, 11, 12 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP.

b) Vướng mắc

Hiện tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Hải quan đã sửa đổi, bổ sung Điều 42, Điều 43 với nội dung:

“Điều 42. Điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên

1. Doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a) Tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế trong 02 năm liên tục;
- b) Có kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hàng năm đạt mức quy định;
- c) Thực hiện thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử; *có phần mềm hoặc hệ thống công nghệ thông tin quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp kết nối hoặc chia sẻ với cơ quan hải quan;*
- d) Thực hiện thanh toán qua ngân hàng;
- đ) Có hệ thống kiểm soát nội bộ;
- e) Chấp hành tốt quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán.

2. *Doanh nghiệp công nghiệp bán dẫn; doanh nghiệp công nghệ cao; doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao; doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế sản phẩm chip bán dẫn, dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo, trung tâm tính toán hiệu năng cao trí tuệ nhân tạo thuộc đối tượng ưu đãi đầu tư đặc biệt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư; doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn và doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp cho các dự án này được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ và điểm e khoản 1 Điều này.*

Doanh nghiệp quy định tại khoản này phải duy trì, đáp ứng điều kiện tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế và các điều kiện theo quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều này kể từ ngày được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên.

Doanh nghiệp quy định tại khoản này được xác định theo văn bản thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác nhận có thời hạn đối với doanh nghiệp quy định tại khoản này....”

Bổ sung khoản 4 Điều 43. Chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp

“4. Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật này, chế độ ưu tiên được áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến công nghiệp bán dẫn, công nghệ cao, công nghệ số trọng điểm theo danh mục do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với bộ quản lý ngành, lĩnh vực đề thống nhất ban hành.

Danh mục quy định tại khoản này có mã số HS của hàng hóa thống nhất với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.”

c) Đề xuất:

Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4, bổ sung khoản 7 Điều 10; sửa đổi, bổ sung khoản 1, bổ sung khoản 2, sửa đổi, bổ sung điểm a.2 khoản 4 Điều 11 để

đảm bảo đồng bộ cơ sở pháp lý với nội dung sửa đổi Điều 42, Điều 43 Luật Hải quan liên quan đến điều kiện áp dụng, chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ theo tinh thần của Nghị quyết số 57-NQ/TW.

2.3.2. Quy định đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại chỗ

a) Quy định hiện hành

Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ quy định tại Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

b) Vướng mắc

Quá trình tổng hợp ý kiến của các đơn vị về xây dựng chính sách, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan tại Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 08/2015/NĐ-CP và Nghị định 59/2018/NĐ-CP hầu hết các Bộ (Công Thương, Công an, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp), cơ quan quản lý nhà nước (UBND một số tỉnh, thành phố, Hải quan địa phương) đều cho rằng quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định 08/2015/NĐ-CP là chưa có đủ căn cứ pháp lý cũng như những rủi ro cho ngân sách nhà nước khi chưa có chính sách để thu được khoản thuế thu nhập doanh nghiệp do chênh lệch giữa giá mua và giá bán hàng hoá của thương nhân nước ngoài kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam (trừ khoản thu 1% thuế nhà thầu thu qua người nhập khẩu tại chỗ theo quy định hiện hành). Trong trường hợp cần thiết phải duy trì hoạt động này thì phải trình cấp có thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung ở cấp độ Luật thì mới có cơ sở hướng dẫn tại Nghị định và Thông tư.

Ngoài ra, theo quy định tại Nghị định 08/2015/NĐ-CP thì chỉ có thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam mới được thực hiện thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu tại chỗ khi mua bán, trao đổi hàng hoá với doanh nghiệp Việt Nam (bao gồm doanh nghiệp nội địa và doanh nghiệp chế xuất). Thực tế các nhà đầu tư nước ngoài đã hiện diện tại Việt Nam theo pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư (thành lập pháp nhân như là chi nhánh, công ty con ở Việt Nam), có nhiều nhà cung cấp cả ở trong và ngoài nước thì lại không được thực hiện thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ do thương nhân nước ngoài đã có hiện diện tại Việt Nam. Trong khi đó, pháp luật hiện hành không quy định hồ sơ, thành phần, thủ tục, cách thức, trình tự, cơ quan chủ quản nào có trách nhiệm trong việc xác định một thương nhân nước ngoài là đã có hiện diện hay chưa có hiện diện tại Việt Nam.

Căn cứ các Luật Thương mại, Luật Quản lý Ngoại thương, Luật Hải quan và các Luật khác có liên quan (Doanh nghiệp, đầu tư, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu) thì các Luật trên chưa quy định về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ. Trong khi đó, Điều 35 Nghị định 08/2015/NĐ-CP, Thông tư 38/2015/TT-BTC và Thông tư 39/2018/TT-BTC đang quy định thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu tại chỗ là chưa đảm bảo tính thống nhất về Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Do vậy, để giải quyết các vấn đề đòi hỏi cấp bách của thực tiễn như: (1) thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của Đảng và Nhà nước, (2) kịp thời tháo gỡ các rào cản, điểm nghẽn của chính sách thì cần phải quy định nội dung về xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ tại văn bản Luật cũng như sửa đổi quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP để đảm bảo cơ sở pháp lý cho cả cơ quan quản lý và cộng đồng doanh nghiệp thực hiện.

Hiện tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Hải quan đang dự kiến bổ sung Điều 47a với nội dung:

“Điều 47a. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ

1. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ là hàng hoá giao, nhận tại Việt Nam theo chỉ định của thương nhân nước ngoài theo hợp đồng mua bán, gia công, thuê, mượn giữa các doanh nghiệp Việt Nam với thương nhân nước ngoài.

2. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan. Hàng hóa xuất khẩu tại chỗ được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% như hàng hóa xuất khẩu.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”

c) Đề xuất: sửa đổi Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP như sau:

“Điều 35. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ

1. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ là hàng hóa được quy định tại khoản ...Điều... Luật sửa đổi bổ sung Luật Hải quan, bao gồm:

a) Hàng hoá gia công tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài đặt gia công bán, chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam;

b) Hàng hóa mua bán, thuê, mượn giữa doanh nghiệp Việt Nam với thương nhân nước ngoài và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp tại Việt Nam.

2. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ phải làm thủ tục hải quan; được giao, nhận hàng hóa trước làm thủ tục hải quan sau hoặc được làm thủ tục hải quan trước giao, nhận hàng hoá sau; chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan từ khi giao, nhận hàng hóa đến khi hoàn thành thủ tục hải quan hoặc từ khi làm thủ tục hải quan cho đến khi hoàn thành việc giao, nhận hàng hóa.

3. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ được coi là đã hoàn thành thủ tục hải quan khi các tờ khai xuất khẩu tại chỗ và tờ khai nhập khẩu tại chỗ đều đã hoàn thành thủ tục hải quan.

4. Thời hạn, địa điểm, phương thức giao, nhận hàng hóa thực hiện theo chỉ định của thương nhân nước ngoài và phải thông báo cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục hải quan hoặc trước thời điểm thực hiện việc giao, nhận hàng hóa.

5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết điều này.”

Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ sẽ được quy định chi tiết tại Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC và Thông tư số 39/2018/TT-BTC, cụ thể gồm các nội dung:

- (i) Cách thức khai báo các chỉ tiêu thông tin trên tờ khai;
- (ii) Thông báo thời gian, phương thức, địa điểm giao nhận hàng hoá trước, làm thủ tục hải quan sau hoặc làm thủ tục hải quan trước, giao nhận hàng hoá sau;
- (iii) Cách thức theo dõi của cơ quan hải quan để đảm bảo nguyên tắc tại khoản 3 Điều 35 Nghị định sửa đổi bổ sung là cả 02 tờ khai xuất khẩu tại chỗ và nhập khẩu tại chỗ đồng thời hoàn thành thủ tục hải quan, tránh việc lợi dụng gian lận về thuế và chính sách quản lý.
- (iv) Trường hợp mua bán, gia công, thuê mượn giữa DNCX với DNCX, DNCX với doanh nghiệp nội địa về mặt thủ tục và chính sách thì là hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu thương mại thông thường (không được coi như xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ). Tuy nhiên, vì hàng hoá vẫn được giao nhận trên lãnh thổ Việt Nam, do đó, cơ quan hải quan sẽ áp dụng phương thức theo dõi, khai chỉ tiêu thông tin tương tự như thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ để đảm bảo quản lý khép kín, tránh lợi dụng để gian lận.
- (v) Hướng dẫn một số trường hợp, tình huống chuyển tiếp: Tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ đăng ký trước khi Điều 47a Luật Hải quan có hiệu lực nhưng hoàn thành thủ tục hải quan sau khi Luật Hải quan sửa đổi có hiệu lực thì được áp dụng quy định tại Điều 47a cho các tờ khai trước và sau thời điểm Luật Hải quan sửa đổi có hiệu lực để hoàn thành thủ tục hải quan. Nói cách khác, sẽ không xét đến sự hiện diện của thương nhân nước ngoài khi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ đối với tờ khai đăng ký trước nhưng hoàn thành sau khi Điều 47a có hiệu lực.

2.3.3. Quy định về thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành

a) Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ: Sửa đổi điểm đ khoản 2 Điều 33: “*đ) Cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành thực hiện kiểm tra, thông báo kết quả kiểm tra cho cơ quan hải quan và người khai hải quan trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra.*”

b) Vương mặc:

Trong quá trình lấy ý kiến, Bộ Tài chính nhận được một số ý kiến của doanh nghiệp và hải quan địa phương (như Hiệp hội Amcham, Hiệp hội VLA, VAMA, Hiệp hội da giày túi xách Việt Nam, HQ Quảng Trị, UBND tỉnh Bình Định, Bộ Công Thương, Bộ KH-CN) liên quan đến Điều 33, cụ thể:

Kết quả KTCN có thể ở nhiều hình thức như ra thông báo, xác nhận kết quả kiểm tra hoặc hình thức khác, thời gian trả kết quả được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về KTCN. Đối với các thủ tục không thực hiện trên Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia gặp sự cố thì thủ tục KTCN sẽ được thực hiện bằng hình thức khác thay thế

để trả kết quả cho cơ quan hải quan.

Bên cạnh đó, hiện ngành Hải quan đang triển khai mô hình thông quan tập trung, phi giấy tờ và qua rà soát các quy định của pháp luật về chuyên ngành, vẫn có việc quy định người khai hải quan phải nộp chứng từ chuyên ngành bản chính cho cơ quan hải quan. Về vấn đề này, Bộ Tài chính đã kiến nghị với các Bộ, ngành theo hướng:

- *Thực hiện thủ tục hành chính hoặc cập nhật kết quả trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.*

- *Trường hợp chưa thực hiện thủ tục hành chính hoặc chưa cập nhật kết quả trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì cơ quan hải quan chỉ tiếp nhận bản chụp chứng từ kiểm tra chuyên ngành do người khai hải quan gửi qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.*

d) Đề xuất:

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, Chính phủ, Quốc hội liên quan đến việc đẩy mạnh chuyển đổi số, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa phục vụ chỉ đạo, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính, đơn giản hóa tối đa các thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi điểm đ khoản 2 Điều 33 như sau:

*“đ) Cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành thực hiện kiểm tra, thông báo kết quả kiểm tra **trên Cổng thông tin một cửa quốc gia** cho cơ quan hải quan và người khai hải quan trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra.*

Trường hợp, cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành chưa thực hiện kiểm tra, thông báo kết quả kiểm tra trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, thì cơ quan hải quan tiếp nhận bản chụp thông báo kết quả kiểm tra do người khai hải quan nộp thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.”

2.3.4. Quy định về thủ tục hải quan với PTVT xuất nhập cảnh

Để có căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục điện tử cho PTVT đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa xuất cảnh nhập cảnh khi hệ thống CNTT đáp ứng yêu cầu, dự thảo đã bổ sung nội dung quy định về việc thực hiện khai báo điện tử khi hệ thống CNTT đáp ứng việc khai báo bằng phương thức điện tử tại Điều 71, Điều 74, Điều 70 của dự thảo.

2.4. Nội dung sửa đổi để đáp ứng yêu cầu quản lý cũng như giải quyết vướng mắc phát sinh

2.4.1. Quy định về chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp

a) Quy định hiện hành: Các nội dung về chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp hiện đang quy định từ Điều 9 đến Điều 12 Nghị định 08/2015/NĐ-CP

được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6, 7 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ: Bổ sung các quy định theo hướng tiệm cận với khung SAFE, bổ sung đối tượng doanh nghiệp nhỏ và vừa với kim ngạch tối thiểu 1 triệu USD/năm để tạo điều kiện hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Bổ sung làm rõ trình tự thực hiện thủ tục công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên.

c) Vương mặc: Trên cơ sở nội dung đã được phê duyệt tại tờ trình Chính phủ, tiếp tục bổ sung làm rõ điều kiện về kiểm soát nội bộ theo hướng tiệm cận với khung SAFE, làm rõ thành phần hồ sơ đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên để minh bạch hơn, căn cứ thực tiễn quản lý tại thời điểm hiện tại, căn cứ các ý kiến tham gia về dự thảo Nghị định sửa đổi, Cục Hải quan đã điều chỉnh, bổ sung nội dung quy định để làm rõ cách hiểu, cách triển khai, thống nhất với ngôn ngữ của các quy định pháp luật có liên quan, đảm bảo yêu cầu quản lý của cơ quan hải quan, định hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, rà soát theo định hướng Bộ trưởng Bộ Tài chính chỉ hướng dẫn về mẫu biểu liên quan đến chế độ ưu tiên.

d) Đề xuất:

- **Điều 10:** sửa đổi Khoản 1, 2, 3, 4, 5 và bổ sung khoản 7 để thống nhất cách quy định về điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên phù hợp đối với cả trường hợp công nhận mới và gia hạn DNUT; trên cơ sở kế thừa các quy hiện hành, bổ sung từ ngữ cho rõ ràng dễ hiểu, ngắn gọn, phù hợp ngôn ngữ của pháp luật liên quan, bổ sung đối tượng theo nội dung sửa đổi Luật Hải quan theo NQ 57; bổ đối tượng Doanh nghiệp nhỏ và vừa; quy định cụ thể về điều kiện kiểm soát nội bộ theo hướng tiệm cận với khung SAFE.

- **Điều 11:** bổ sung dẫn chiếu mẫu biểu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành (quy định tại Thông tư sửa đổi Thông tư 38, 39); Sửa đổi, bổ sung bố cục, từ ngữ để dễ hiểu, tránh nhầm lẫn, bỏ những nội dung lặp lại không cần thiết, đơn giản hoá thủ tục, định hướng phù hợp với xu thế Hải quan số: doanh nghiệp được lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc nộp theo hình thức số hóa trên hệ thống của Cục Hải quan. .

Thời gian thực hiện thẩm định thực tế tại trụ sở doanh nghiệp đã được duyệt tại dự thảo Nghị định trình Chính phủ là 10 ngày làm việc. Tuy nhiên, qua rà soát quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp (quy định thống nhất “ngày làm việc” đối với số ngày giải quyết TTHC dưới 07 ngày, quy định “ngày” đối với các trường hợp còn lại) nên đề nghị sửa thành “10 ngày” để thống nhất với quy định pháp luật, không phát sinh tác động.

Ngoài ra, bổ sung quy định về trường hợp cần lấy ý kiến cơ quan chuyên môn trong quá trình xử lý kết quả thẩm định để phù hợp thực tiễn. Nội dung này đã quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP).

Bổ sung 01 khoản về hồ sơ đối với doanh nghiệp được ưu tiên theo Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng đơn giản hóa thủ tục, tương ứng với các điều kiện cần đánh giá khi công nhận, phù hợp với điều kiện riêng của nhóm đối tượng này. Các nội dung quy định về hồ sơ theo hướng tinh gọn, đơn giản hóa, làm rõ hồ sơ liên quan đến hệ thống kiểm soát nội bộ để minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong khâu chuẩn bị hồ sơ để đánh giá điều kiện kiểm soát nội bộ.

Viết lại, bố cục lại nội dung về bước thẩm định thực tế để tránh hiểu nhầm việc doanh nghiệp sẽ phải thực hiện thẩm định thực tế và KTSTQ. Nội dung này phù hợp với thực tế thực hiện và quy định hiện hành.

- **Điều 12 (Quản lý DNUT):** Quy định rõ hơn, sửa đổi bổ sung từ ngữ cho phù hợp, dễ hiểu trên cơ sở kế thừa các quy định tại Nghị định, Thông tư về trách nhiệm của cơ quan hải quan; trách nhiệm của DNUT; trách nhiệm của cơ quan liên quan; trong đó bổ sung, sửa đổi quy định làm rõ hơn về thực hiện chế độ báo cáo: doanh nghiệp gửi báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán và báo cáo quý bằng phương thức điện tử.

2.4.2. Về đánh giá tuân thủ pháp luật đối với người khai hải quan

a) Quy định hiện hành: Điều 14 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

b) Vướng mắc:

Việc tham gia Chương trình doanh nghiệp tự nguyện tuân thủ là một trong những tiêu chí để thực hiện việc đánh giá tuân thủ pháp luật đối với người khai hải quan. Việc quy định tại Nghị định đảm bảo căn cứ để triển khai thực hiện tại Thông tư, do đó cần bổ sung tại Nghị định quy định trên.

c) Đề xuất:

Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 14 như sau:

“1. Việc đánh giá mức độ tuân thủ của người khai hải quan được dựa trên hệ thống các chỉ tiêu, thông tin về:

a) Tần suất vi phạm pháp luật hải quan và pháp luật thuế;

b) Tính chất, mức độ vi phạm pháp luật hải quan và pháp luật thuế;

c) Việc hợp tác với cơ quan hải quan trong thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan và chấp hành các quyết định khác của cơ quan hải quan; **tham gia Chương trình khuyến khích doanh nghiệp tuân thủ pháp luật hải quan.**”

2.4.3. Về công tác phân loại hàng hóa

a) Về Danh mục hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu Việt Nam

a.1) Quy định hiện hành:

Khoản 1 Điều 17 Nghị định 08/2015/NĐ-CP quy định “1. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam gồm mã số, tên gọi, mô tả hàng hóa, đơn vị

tính và các nội dung giải thích kèm theo và được xây dựng trên cơ sở áp dụng đầy đủ Công ước quốc tế về hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Hải quan”.

a.2) Vương mắc phát sinh:

Theo Điều 26 Luật Hải quan quy định:

“ Điều 26. Phân loại hàng hóa

1. Phân loại hàng hóa để xác định mã số hàng hóa làm cơ sở tính thuế và thực hiện chính sách quản lý hàng hóa. Khi phân loại hàng hóa phải căn cứ hồ sơ hải quan, tài liệu kỹ thuật và các thông tin khác có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để xác định tên gọi, mã số của hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

2. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam gồm mã số, tên gọi, mô tả hàng hóa, đơn vị tính và các nội dung giải thích kèm theo.

3. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được xây dựng trên cơ sở áp dụng đầy đủ Công ước quốc tế về hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa.”

Như vậy, việc dẫn chiếu Khoản 1 Điều 26 Luật Hải quan tại Điều 17 dự thảo Nghị định là không thống nhất.

a.3) Đề xuất:

Đề xuất sửa đổi theo hướng: bãi bỏ cụm từ “khoản 1” tại khoản 1 Điều 17 để thống nhất với quy định tại Luật Hải quan.

b) Về Danh mục chuyên ngành

b.1) Quy định hiện hành:

Khoản 4 Điều 19 Nghị định 08/2015/NĐ-CP quy định “4. Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, tổ chức liên quan để quyết định việc phân loại hàng hóa đối với các trường hợp có sự khác biệt trong việc áp dụng Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam hoặc có sự khác biệt giữa các Danh mục hàng hóa do các Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành trước ngày hiệu lực của Nghị định này với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam”

b.2) Vương mắc phát sinh:

Thực tế phát sinh nhiều trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu sử dụng Danh mục chuyên ngành để khai báo mã số, tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Tuy nhiên có một số dòng hàng trong Danh mục chuyên ngành, do trong quá trình xây dựng, các Bộ ngành không bổ sung được đủ thông tin để xác định mã số, dẫn đến việc xác định mã số chưa chính xác, chưa phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, dẫn đến việc áp dụng sai mã số hàng hóa, thiếu số tiền thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước, khi đó, cơ quan hải quan thực hiện xác định lại mã số, ấn định thuế nhưng doanh nghiệp không đồng

ý và khiếu nại, khiếu kiện.

Văn bản hiện hành chỉ quy định Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, tổ chức liên quan để quyết định việc phân loại hàng hóa trong trường hợp có sự khác biệt giữa Danh mục HHXKNK Việt Nam và Danh mục chuyên ngành ban hành trước thời điểm hiệu lực của Nghị định 08/2015/TT-BTC. Do đó, cần thiết phải sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 19 để tránh vướng mắc khi thực hiện.

b.3) Đề xuất:

Đề xuất sửa đổi theo hướng: Bãi bỏ cụm từ “*trước ngày hiệu lực của Nghị định này*” tại khoản 4 Điều 19 để Bộ Tài chính là đơn vị có trách nhiệm chủ trì quyết định về mã số hàng hóa đối với trường hợp có sự khác biệt giữa Danh mục HHXKNK Việt Nam và các Danh mục chuyên ngành ở thời điểm trước và sau hiệu lực của Nghị định 08/2015/TT-BTC.

2.4.4. Về trị giá hải quan

a) Quy định hiện hành

Các nội dung về trị giá hải quan được quy định từ Điều 20 đến Điều 22a Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP.

b) Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ: Sửa đổi khoản 1, 2 Điều 20; Sửa đổi Điều 21; Bổ sung Điều 22a: nội dung kế thừa từ Nghị định số 59/2018/NĐ-CP.

c) Vướng mắc:

c.1) Về nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá:

- *Về phương pháp xác định trị giá của hàng hóa xuất khẩu:* Quy định đối với hàng hóa xuất khẩu, giá bán của hàng hóa xuất khẩu việc sử dụng cụm từ “*giá bán ghi trên hợp đồng mua bán hoặc các hình thức có giá trị tương đương*” không thể hiện được tất các tình huống xác định trị giá hải quan của hàng hóa xuất khẩu khi hàng hóa được giao tại cửa khẩu xuất và các chi phí phát sinh khác như chi phí kiểm nghiệm chất lượng hàng hóa, chi phí hạ tầng, ... Đồng thời, quy định hiện hành chưa rõ ràng đối với trường hợp hàng hóa xuất khẩu được giao tại nội địa Việt nam hoặc được giao ngoài biên giới Việt Nam.

- *Về khái niệm cửa khẩu nhập đầu tiên, cửa khẩu xuất:* Các khái niệm này tồn tại từ năm 2015 đến nay và không phát sinh vướng mắc, trừ việc còn thiếu khái niệm áp dụng cho hàng hóa xuất nhập khẩu giữa nội địa với khu phi thuế quan.

c.2) Về kiểm tra, xác định trị giá hải quan

Dự thảo nội dung kiểm tra, xác định trị giá hải quan tại dự thảo Nghị định đã được Bộ Tư pháp thẩm định, theo hướng sửa đổi việc kiểm tra trị giá theo hướng tập trung kiểm tra trường hợp nghi vấn trị giá, bỏ quy định cho phép người khai hải quan khai báo bổ sung mức giá trước khi ban hành quyết định ấn

định thuế. Qua Hội thảo lấy ý kiến vẫn còn ý kiến khác nhau đối với việc khai bổ sung trị giá sau khi kiểm tra trị giá trong thông quan, cụ thể: Người khai hải quan có quyền kê khai bổ sung, sửa đổi thông tin khai trị giá hải quan trong khi làm thủ tục hải quan; Việc khai bổ sung, sửa đổi trị giá hải quan do người khai hải quan tự phát hiện, dẫn đến làm thay đổi số tiền thuế phải nộp thì người khai hải quan bị xử lý vi phạm và số tiền phạt bằng 10% số tiền thuế còn thiếu. Quy định này dẫn đến vướng mắc trong xử phạt vi phạm hành chính vì cơ quan hải quan xác định trị giá, ban hành quyết định ấn định thuế thì số tiền phạt bằng 20% số tiền thuế còn thiếu; nhưng vì người khai hải quan tự khai bổ sung nên chỉ phạt bằng 10% theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020.

c.3) Về trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê

- Quy định tại Điều 22a là *“trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do cơ quan Hải quan xây dựng”*. Tuy nhiên, hiện nay trong dự thảo xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 60/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Chế độ báo cáo thông kê cấp quốc gia đang được xây dựng theo nguyên tắc: *“Đối với hàng hóa phải nộp thuế xuất khẩu hoặc nhập khẩu và các loại thuế liên quan trong quá trình làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu thì trị giá thống kê là trị giá tính thuế của hàng hóa. Đối với hàng hóa không phải nộp thuế xuất khẩu hoặc nhập khẩu và các loại thuế liên quan trong quá trình làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu thì trị giá thống kê là trị giá khai báo của hàng hóa được cơ quan hải quan chấp nhận”*. Như vậy, nếu sử dụng cụm từ *“cơ quan hải quan xây dựng”* sẽ không còn phù hợp.

- Điều 22a đã quy định trị giá hàng hóa sau khi thuế gia công ở nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam là trị giá hàng hóa tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên (theo điều kiện giao hàng CIF hoặc tương đương) và trị giá hàng hóa xuất khẩu sản phẩm gia công cho nước ngoài là trị giá hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất (theo điều kiện giao hàng FOB hoặc tương đương) nhưng trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện nay không có quy định các điều kiện giao hàng tương đương với FOB và tương đương với CIF.

d) Đề xuất

- Sửa đổi Điều 20 theo hướng: bổ sung cụm từ *“giá thực tế bán tại cửa khẩu xuất”* và khái niệm cửa khẩu nhập đầu tiên, cửa khẩu xuất khu phi thuế quan vào nội địa.

- Điều 21: Đề xuất giữ nguyên như quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP. Tuy nhiên, để đảm bảo quản lý tốt công tác trị giá và đơn giản hóa thủ tục hành chính, góp phần đẩy nhanh thông quan và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, Bộ Tài chính sẽ sửa quy định về kiểm tra trị giá trong thông quan tại Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC và Thông tư số 39/2018/TT-BTC theo hướng: Giảm đối tượng kiểm tra trị giá tại

Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2018/TT-BTC; Giảm đối tượng xác định nghi vấn trị giá; Sửa đổi một số thủ tục trong tham vấn tại Thông tư để đơn giản hóa thủ tục tham vấn: cung cấp hồ sơ qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, chứng từ điện tử.

- Sửa đổi Điều 22a theo hướng bỏ quy định “Trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do cơ quan Hải quan xây dựng trên cơ sở thông tin khai hải quan và các nguồn thông tin liên quan khác”; bỏ quy định thống kê hàng hóa sau khi thuê gia công ở nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam theo điều kiện CIF và tương đương CIF, thống kê hàng hóa xuất khẩu là sản phẩm gia công cho nước ngoài theo điều kiện giao hàng FOB hoặc tương đương.

2.4.5. Quy định về kiểm tra hải quan trong quá trình xếp dỡ hàng hóa

a) Quy định hiện hành: “Điều 28. Kiểm tra hải quan trong quá trình xếp dỡ hàng hóa tại cảng biển, cảng hàng không.”

b) Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ: Bổ sung trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng trong việc vận chuyển hàng hóa trong quá trình lưu giữ tại cửa khẩu, cảng và chịu các chi phí liên quan để phục vụ hoạt động kiểm tra của cơ quan hải quan tại Điều 28.

c) Vướng mắc:

- Trước đây việc lắp đặt máy soi container/phương tiện chứa hàng hóa (pallet) chỉ triển khai tại cửa khẩu đường biển, đường hàng không. Nay thực tế máy soi container đã được triển khai tại cửa khẩu đường bộ như tại cửa khẩu Hữu Nghị - HQ Lạng Sơn, cửa khẩu Kim Thành – HQ Lào Cai.. hoặc tại các địa điểm ngoài cửa khẩu (ICD Long Biên – HQ Hà Nội, ICD Tân Vạn – HQ Bình Dương); Như vậy, để quy định Điều 28 được hiểu là áp dụng tại tất cả các cửa khẩu thì đề xuất sửa tên Điều 28 như dự thảo để tránh phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Trong quá trình lấy ý kiến về dự thảo Nghị định, Cảng Hải Phòng phản ánh doanh nghiệp khai thác cảng phải chịu chi phí rất lớn để đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị nâng hạ, chi phí điện nước, chiếu sáng, lương cán bộ nhân viên, ... để cung cấp dịch vụ. Các tác nghiệp xếp dỡ, nâng hạ, vận chuyển phục vụ soi chiếu phát sinh chi phí hàng tỷ mỗi năm. Đối với các cảng có sản lượng thông quan hàng năm lên tới 1 triệu TEU như Cảng Hải Phòng, việc không thu được các dịch vụ trên sẽ ảnh hưởng đến chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đề nghị Cục hải quan thực hiện việc chi trả các khoản phí liên quan tới hoạt động phối hợp soi chiếu theo đúng quy định; hoặc phối hợp đề nghị khách hàng có hàng hóa thuộc diện soi chiếu hải quan chi trả tiền dịch vụ soi chiếu.

d) Đề xuất:

- Sửa tên Điều 28 như sau: “*Điều 28. Kiểm tra hải quan trong quá trình lưu giữ, xếp dỡ hàng hóa trong địa bàn hoạt động hải quan tại cửa khẩu, cảng biển, cảng hàng không*”;

- Về chi phí: bỏ nội dung doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho bãi “chịu các chi phí có liên quan”.

2.4.6. Quy định về kiểm tra thực tế hàng hóa

a) Quy định hiện hành: Điều 29 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP.

b) Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ: Kế thừa quy định tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP.

c) Vướng mắc: Quy định hiện nay mới cho phép cơ quan hải quan thực hiện nghiệp vụ phân tích để phân loại mà chưa quy định đối với nghiệp vụ phân tích để kiểm tra, đánh giá các tiêu chí kỹ thuật bằng máy móc, trang thiết bị để xác định hàng hóa có phù hợp với khai báo hoặc các chỉ tiêu kỹ thuật được công bố (nội dung này khác với việc quản lý nhà nước về chất lượng hàng hóa, kiểm tra an toàn thực phẩm, kiểm dịch đối với hàng hóa xuất nhập khẩu).

Việc kiểm tra bằng máy móc, trang thiết bị kỹ thuật đã được quy định tại khoản 5 Điều 33 Luật Hải quan (*Việc kiểm tra thực tế hàng hóa do công chức hải quan thực hiện trực tiếp hoặc bằng máy móc, thiết bị kỹ thuật, các biện pháp nghiệp vụ khác*). Hiện nay cơ quan hải quan đã được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, máy móc để thực hiện nhiệm vụ này. Nội dung về kiểm tra, đánh giá tiêu chí kỹ thuật tại các đơn vị kiểm định hải quan chưa được quy định tại Nghị định nên chưa có cơ sở để quy định tại Thông tư và các quy trình hướng dẫn về nghiệp vụ nội bộ tại Cục Hải quan. Theo đó, nội hàm về công tác kiểm tra, đánh giá tiêu chí kỹ thuật tại các đơn vị kiểm định cần được quy định tại Nghị định này. Ngoài ra, Bộ Tài chính đề xuất viết lại nội dung tại khoản 5 Điều 29 để đảm bảo rõ ràng, thuận lợi và minh bạch trong quá trình triển khai thực hiện.

d) Đề xuất: Sửa đổi khoản 5 Điều 29 như sau:

“5. Trường hợp bằng các máy móc, thiết bị kỹ thuật **do cơ quan hải quan trang bị**, công chức hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa không đủ cơ sở để xác định tính chính xác đối với nội dung khai của người khai hải quan về tên hàng, mã số, chất lượng, khối lượng, thì thực hiện **như sau**:

a) Trường hợp hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá tiếp nhận thực hiện tại cơ quan kiểm định hải quan: *Hải quan nơi kiểm tra thực tế hàng hóa đề nghị cơ quan kiểm định hải quan thực hiện phân tích phân loại; kiểm tra, đánh giá tiêu chí kỹ thuật của hàng hoá bằng máy móc, trang thiết bị để xác định các nội dung trên và căn cứ kết quả của cơ quan kiểm định hải quan để quyết định việc thông quan hàng hoá.*

Cục Hải quan thông báo Danh mục hàng hoá tiếp nhận thực hiện tại cơ quan kiểm định hải quan.

b) Trường hợp hàng hoá không thuộc Danh mục hàng hoá tiếp nhận thực hiện tại cơ quan kiểm định hải quan: Hải quan nơi kiểm tra thực tế hàng hóa trưng cầu giám định của tổ chức giám định theo quy định của pháp luật và căn cứ kết quả giám định để quyết định việc thông quan hàng hóa.”

2.4.7. Quy định về giám sát việc lấy mẫu hàng hóa phải KTCN

a) Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ: Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 33: “*b) ...Trường hợp lấy mẫu trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan thực hiện giám sát việc lấy mẫu trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro;*”

b) Vương mặc:

Theo điểm a khoản 4 Điều 38 Luật Hải quan, cơ quan hải quan chịu trách nhiệm giám sát hàng hóa nhập khẩu từ khi tới địa bàn hoạt động hải quan đến khi được thông quan, giải phóng hàng và đưa ra khỏi địa bàn hoạt động hải quan.

c) Đề xuất:

Việc lấy mẫu lô hàng phải kiểm tra chuyên ngành trong địa bàn hoạt động hải quan sẽ làm thay đổi nguyên trạng hàng hóa. Theo đó, việc cơ quan hải quan thực hiện giám sát việc lấy mẫu là cần thiết và đảm bảo theo đúng quy định tại Luật Hải quan. Do vậy, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 33 theo hướng chỉ quy định nguyên tắc chung là cơ quan hải quan thực hiện giám sát việc lấy mẫu: “*b) Cơ quan, tổ chức kiểm tra chuyên ngành trực tiếp thực hiện việc lấy mẫu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại địa điểm do người khai hải quan thông báo; trường hợp lấy mẫu trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan thực hiện giám sát việc lấy mẫu trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro;*”

2.4.8. Quy định về trách nhiệm doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi bố trí khu vực lưu giữ hàng hóa vi phạm

a) Quy định hiện hành: Khoản 2 Điều 34 quy định như sau “*2. Để thực hiện các quy định về giám sát hải quan tại Luật Hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi có trách nhiệm: a) Bố trí khu vực lưu giữ riêng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và hàng hóa nhập khẩu quá 90 ngày kể từ ngày đến cửa khẩu nhưng không có người đến nhận;*”

b) Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ: không sửa Điều 34.

c) Vương mặc: Thực tế thời gian qua, cơ quan hải quan phát hiện nhiều lô hàng vi phạm pháp luật hải quan trong đó gồm các lô hàng tạm giữ chờ xử lý vi phạm hoặc đã được xác lập quyền sở hữu toàn dân, tuy nhiên tại các khu vực cảng chưa có các khu vực lưu giữ hoặc một số nơi có bố trí khu vực lưu giữ nhưng cơ quan hải quan phải chi trả các khoản chi phí đó, VD: Cục ĐTCBL thanh toán gần 50 tỷ tiền lưu giữ đối với các lô hàng vi phạm tại cảng Cát Lái, hơn 100 containers gỗ nhập khẩu qua Cảng Hải Phòng vi phạm Công ước CITES phải lưu giữ tại Trường Hải quan Việt Nam ... Việc bổ sung quy định trên nhằm giảm áp lực về tài chính cho cơ quan hải quan.

d) Đề xuất: Đề xuất sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 34: “2. Để thực hiện các quy định về giám sát hải quan tại Luật Hải quan, doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi có trách nhiệm: a) Bố trí khu vực lưu giữ riêng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và hàng hóa nhập khẩu quá 90 ngày kể từ ngày đến cửa khẩu nhưng không có người đến nhận; **hàng hóa vi phạm pháp luật hải quan.**”

2.4.9. Quy định về thủ tục đối với hàng hóa quá cảnh

a) Quy định hiện hành: Điều 43 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP.

b) Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ: Trên cơ sở kế thừa nội dung tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP, tại dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 43.

c) Vướng mắc:

- Thực tế phát sinh trường hợp hàng hóa quá cảnh gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh, bưu chính, tuy nhiên chưa có quy định về việc làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh tại địa điểm tập kết, kiểm tra giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh (trừ trường hợp đóng chung giữa hàng hóa quá cảnh với hàng hóa gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh thì đã có quy định địa điểm thực hiện việc đóng chung tại Khoản 9 Điều 43).

- Thực tế hàng hóa quá cảnh hay hàng hóa nhập khẩu đóng chung từ nước ngoài khi đến cửa khẩu nhập (bao gồm cả địa điểm tập kết kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh) thì việc chia tách thực hiện tại CFS tại khu vực cửa khẩu nhập hoặc tại địa điểm tập kết kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh không phát sinh khai báo thủ tục hải quan với cơ quan hải quan.

- Việc đóng chung giữa hàng hóa quá cảnh với hàng hóa xuất khẩu thực tế không phát sinh tại cửa khẩu nhập đầu tiên.

- Việc quy định trách nhiệm của người khai hải quan gửi văn bản đề nghị cho Chi cục hải quan nơi quản lý địa điểm thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, chia tách, đóng chung chưa phù hợp do Chi cục Hải quan này không phải là nơi đang lưu giữ hàng hóa, trường hợp có nhiều hơn 01 địa điểm đóng chung, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải thì việc gửi văn bản đề nghị này cho các Chi cục Hải quan cũng phát sinh nhiều thủ tục hành chính hơn.

d) Đề xuất:

- Bổ sung về cửa khẩu nhập đầu tiên đối với hàng hóa gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh.

- Bỏ hoạt động “chia tách” lô hàng quá cảnh, hàng quá cảnh với hàng nhập khẩu.

- Sửa lại quy định về địa điểm đóng chung giữa hàng hóa quá cảnh với hàng hóa xuất khẩu hoặc hàng hóa xuất khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh, bưu chính thực hiện tại địa điểm thu gom hàng lẻ tại cửa khẩu xuất cuối cùng hoặc địa điểm tập kết kiểm tra, giám sát tập trung đối với hàng bưu chính, chuyển phát nhanh.

- Trường hợp thực hiện chuyển tải, lưu kho, thay đổi phương thức vận chuyển, phương tiện vận tải, đóng chung giữa hàng hóa quá cảnh với hàng hóa dự kiến xuất khẩu, người khai hải quan gửi văn bản đề nghị cho Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập đầu tiên.

- Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng về cắt giảm thủ tục hành chính, tại dự thảo Nghị định bỏ quy định phải nộp “hợp đồng quá cảnh”; cơ quan hải quan sẽ thực hiện kiểm tra sau thông quan, doanh nghiệp tự lưu giữ và xuất trình cho cơ quan hải quan khi kiểm tra.

2.4.10. Quy định về trung chuyển hàng hóa

a) Quy định hiện hành: Điều 44 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP.

b) Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ: Kế thừa nội dung tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP.

c) Vương mắc:

- Theo quy định tại Khoản 1 Điều 75 Luật Hàng hải năm 2015 thì cảng biển đặc biệt là cảng biển có quy mô lớn có chức năng trung chuyển quốc tế hoặc cảng cửa ngõ quốc tế. Việc công nhận, phân loại cảng biển là cảng biển loại nào theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Do vậy, việc quy định về khu vực thực hiện trung chuyển hàng hóa tại Khoản 4 Điều 44 không mang tính linh hoạt vì các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về công nhận, phân loại cảng biển có thể thay đổi.

- Quy định về khu vực trung chuyển tại Khoản 3 Điều này hiện nay thực tế không đáp ứng được cũng như không có cơ quan có thẩm quyền nào công nhận về các điều kiện đối với khu vực trung chuyển dẫn đến khó khăn trong việc thực thi. Đồng thời, nếu bổ sung quy định cơ quan có thẩm quyền nào công nhận tại Nghị định này hoặc Nghị định sửa Nghị định 67/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 68/2016/NĐ-CP không phù hợp do Luật Đầu tư.

d) Đề xuất:

- Bãi bỏ quy định tại Khoản 3 Điều 44 về điều kiện đối với khu vực trung chuyển, theo đó bãi bỏ Khoản 5 Điều 44 về thông báo vị trí khu vực trung chuyển do bãi bỏ Khoản 3 Điều 44.

- Ghép nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 44 phù hợp với Khoản 1 Điều 75 Luật Hàng hải năm 2015 và sửa lại khái niệm hàng hóa trung chuyển vì bãi bỏ quy định về khu vực trung chuyển tại Khoản 3 Điều này và sửa lại như sau:

“1. Hàng hóa trung chuyển được vận chuyển bằng đường biển từ nước ngoài vào ***các bến cảng thuộc cảng biển Việt Nam***, sau đó được đưa ra nước ngoài từ chính ***bến cảng*** này hoặc đưa đến bến cảng khác ***trong cùng một cảng biển hoặc cảng biển khác*** để đưa ra nước ngoài. Hàng hóa trung chuyển được đưa toàn bộ ra nước ngoài một lần hoặc nhiều lần.”

- Bỏ nội dung về hồ sơ hải quan đối với hàng hóa trung chuyển (gồm chứng từ vận tải, bảng kê chi tiết hàng hóa trung chuyển, văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền, thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành): Thực tế hàng hóa trung chuyển chỉ có tờ khai hải quan hoặc các chứng từ thay thế tờ khai hải quan, không có các giấy tờ gì khác (pháp luật chuyên ngành không quy định hàng hóa trung chuyển phải kiểm tra chuyên ngành và xin giấy phép của cơ quan chuyên ngành). Việc quy định hàng hóa trung chuyển phải khai báo tờ khai hoặc các chứng từ thay thế tờ khai đã được dẫn chiếu tại điểm a khoản 5 Điều này.

- Về Danh mục hàng hóa trung chuyển và cấm trung chuyển: Thông tư liên tịch số 08/2004/TTLT-BTM-BTC-BGTVT ngày 17/12/2004 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương), Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải đã quy định cụ thể như sau về hàng hóa được phép trung chuyển và danh mục hàng hóa cấm trung chuyển. Ngoài ra, khoản 2 Điều 35 đã quy định về chính sách quản lý đối với hàng hóa trung chuyển, đó là hàng hóa được phép trung chuyển không phải có giấy phép của Bộ Công Thương. Do vậy, đề xuất không quy định về Danh mục hàng hóa trung chuyển tại Nghị định.

- Căn cứ quy định Khoản 1 Điều 75 Bộ luật Hàng hải năm 2015, chỉ có các cảng đặc biệt mới có chức năng trung chuyển quốc tế còn các cảng biển khác (cảng biển loại I, loại II, loại III) thì không có chức năng trung chuyển quốc tế. Nhưng về mặt quy định thì cũng không có quy định nào cấm các cảng biển loại I, II, III không được phép thực hiện hoạt động trung chuyển và thực tế không phải cảng biển nào cũng có khả năng thực hiện hoạt động trung chuyển (còn do vị trí địa lý của cảng biển đó, tiêu chí về cầu cảng, mớn nước, năng lực phục vụ như trang bị các thiết bị hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin để điều phối và quản lý hoạt động cảng...). Do vậy, để tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển của hoạt động trung chuyển, nhằm tận dụng tối đa vị trí địa lý thuận lợi của quốc gia để tiến tới phát triển thành cảng trung chuyển quốc tế của khu vực Đông Nam Á và thế giới, Bộ Tài chính đề xuất không hạn chế việc thực hiện thủ tục trung chuyển tại các cảng biển khác. Theo đó, đề xuất bỏ cụm từ: *“có chức năng trung chuyển quốc tế theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và cảng biển thành phố Hồ Chí Minh”*.

- Theo quy định hiện nay tại Điều 44 Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP thì “hàng hóa trung chuyển vận chuyển giữa các cảng biển phải được vận chuyển bằng đường thủy nội địa, đường biển” nhằm hạn chế rủi ro trong quá trình hàng hóa trung chuyển thay đổi phương thức vận chuyển (ừ đường biển, đường thủy nội địa sang đường bộ) để vận chuyển bằng đường bộ. Tuy nhiên, hiện nay các loại hình hàng hóa

vận chuyển chịu sự giám sát hải quan khác tương tự hàng hóa trung chuyển (hàng hóa quá cảnh, hàng hóa xuất nhập khẩu chuyển cửa khẩu) cũng đã được giám sát bằng seal định vị điện tử rất chặt chẽ và hiệu quả. Ngoài ra, việc cho phép hàng hóa trung chuyển được thay đổi phương thức vận chuyển (từ đường biển, đường thủy nội địa sang đường bộ) cũng sẽ tạo thuận lợi cho hoạt động trung chuyển phát triển hơn nữa trong tương lai. Do vậy, Bộ Tài chính đề xuất không hạn chế việc vận chuyển hàng hóa trung chuyển bằng đường biển và đường thủy nội địa tại dự thảo Nghị định, theo đó bỏ cụm từ: “*hàng hóa trung chuyển vận chuyển giữa các cảng biển phải được vận chuyển bằng đường thủy nội địa, đường biển*”.

2.4.11. Về thủ tục tái nhập hàng hóa đã xuất khẩu

a) Quy định hiện hành: Điều 47 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

b) Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ: Đã đề xuất sửa đổi các nội dung tại Điều 47.

c) Vướng mắc: Thời gian qua, Cục Hải quan nhận được phản ánh vướng mắc của các doanh nghiệp điện tử, chế tạo máy trong các Hiệp hội doanh nghiệp Amcham, Kocham, Eurocham, JCCI về việc đề nghị hướng dẫn rõ điều kiện để được áp dụng thủ tục hải quan quy định tại Điều 47. Theo đó, quy định tại Điều 47 không nêu rõ điều kiện của hàng tái nhập (là hàng hoá đã qua sử dụng hay chưa, có phải hàng hoá của chính thương nhân đã xuất khẩu trước đó hay không, nếu thực hiện dịch vụ sửa chữa, bảo hành thì có áp dụng được điều này hay không), nhiều trường hợp thời hạn sửa chữa kéo dài hơn 275 ngày (như lĩnh vực chế tạo máy) thì không đủ thời gian. Vướng mắc nêu trên gây khó khăn cho cả cơ quan hải quan và doanh nghiệp trong việc thực thi pháp luật.

d) Đề xuất: Sửa đổi Điều 47 về thủ tục hải quan tái nhập hàng hoá đã xuất khẩu theo hướng sau:

Tiếp thu ý kiến tham gia của các Bộ, Ngành, Hiệp hội, Hải quan tỉnh, thành phố nhằm cắt giảm thủ tục hành chính không cần thiết, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, đảm bảo yêu cầu quản lý của cơ quan hải quan. Theo đó, quy định cụ thể điều kiện (hàng hoá tái nhập là hàng hoá của chính thương nhân đã xuất khẩu, chưa qua quá trình sử dụng), quy định rõ trường hợp tái nhập sản phẩm về để tái chế thành mã sản phẩm khác được quản lý như loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu (xây dựng định mức để quản lý và quyết toán với cơ quan hải quan), mở rộng thời hạn giúp người khai hải quan chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh (thời gian lưu giữ ở Việt Nam là 12 tháng thay vì 275 ngày **trừ trường hợp hàng hóa đặc thù có thời gian sửa chữa, tái chế quá 12 tháng theo yêu cầu của chu trình sản xuất thì cơ quan hải quan quyết định theo thỏa thuận của các bên**), tránh việc lợi dụng chính sách không áp dụng giấy phép nhập khẩu và quản lý chuyên ngành để gian lận thương mại. Trường hợp hàng hoá đã qua sử dụng của chính thương nhân đã xuất khẩu trước đây tái nhập trở lại để bảo hành, sửa chữa thì thực hiện theo quy định tại Điều 50 Nghị định này.

2.4.12. Về thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất

a) Quy định hiện hành: Điều 48 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP.

b) Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ: Sửa đổi tất cả các khoản (4 khoản) của Điều 48.

c) Vướng mắc: Trong quá trình rà soát để hoàn thiện Điều 35 theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính (Cục Hải quan) tiếp tục nhận được ý kiến của các doanh nghiệp liên quan đến Điều 48, cụ thể:

- Một số doanh nghiệp (VAFIE, Hiệp hội da giày) không thể thanh lý hàng hóa đã nhập khẩu (như nguyên liệu, máy móc, thiết bị) cho đối tác ở nước thứ ba: Doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa là nguyên liệu, vật tư phục vụ hoạt động sản xuất xuất khẩu, tuy nhiên, do biến động của thị trường, đơn đặt hàng thành phẩm bị sụt giảm, ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất và dẫn đến dư thừa, tồn kho nguyên vật liệu. Việc quy định doanh nghiệp chỉ được bán vào khu phi thuế quan sẽ hạn chế người mua những nguyên liệu vật liệu dư thừa này.

- Một số doanh nghiệp (VBF) kiến nghị bỏ trường hợp tái xuất (bán) ra nước ngoài cho đối tác không phải người bán ban đầu để ngăn chặn việc kinh doanh TNTX mà doanh nghiệp FDI không được phép thực hiện.

- UBND tỉnh Đắk Nông kiến nghị bỏ quy định về xuất bán vào khu phi thuế quan, lý do: thực tế phát sinh vướng mắc về cách hiểu thống nhất hàng hóa đã nhập khẩu nhưng phải tái xuất ra nước ngoài hoặc vào khu phi thuế quan, để tránh trường hợp bản chất hàng hóa là kinh doanh TNTX phải chịu chính sách quản lý về ngoại thương theo quy định tại Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP nhưng doanh nghiệp lựa chọn hình thức nhập khẩu hàng hóa sau đó xuất khẩu. Do việc xuất bán vào khu phi thuế quan cũng là hoạt động xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài nên đề nghị bỏ điểm này.

d) Đề xuất:

Qua rà soát cũng như qua ý kiến tham gia doanh nghiệp, Bộ Tài chính cho rằng việc tái xuất hàng đã nhập khẩu ngoài việc trả cho chính chủ hàng nước ngoài thì có thể hàng được tái xuất (xuất bán cho bên thứ 3) mà không theo chỉ định của phía nước ngoài (hoạt động này pháp luật hiện hành không cấm). Do vậy để bảo đảm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp đã nhập khẩu lô hàng nhưng sau đó hàng lỗi, hàng không phù hợp với hợp đồng hoặc không có nhu cầu sử dụng hết số hàng đã nhập khẩu và cần phải tái xuất, tại dự thảo lần này đề xuất sửa như sau:

- Bỏ quy định tại khoản 1 và chỉnh sửa tên Điều để bao quát đầy đủ các trường hợp phải tái xuất, cụ thể: ***“Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất ra nước ngoài hoặc tái xuất vào khu phi thuế quan.”***

- Về hồ sơ hải quan: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026, Bộ Tài chính đề xuất bỏ “Văn bản chấp nhận nhận lại hàng hoặc chỉ định xuất cho bên thứ ba của chủ hàng nước ngoài” để đơn giản hóa thủ tục xuất trả hàng; người khai hải quan chỉ cần phải có hóa đơn thương mại trong trường hợp xuất bán ra nước ngoài hoặc hóa đơn bán hàng, hóa đơn giá trị gia tăng trong trường hợp xuất bán vào khu phi thuế quan. Ngoài ra, người khai hải quan sẽ nộp chứng từ này qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, theo đó, bỏ quy định việc nộp bản chụp.

- Nội dung khoản 3, 4: giữ nguyên nội dung dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ tại công văn số 11143/BTC-TCHQ ngày 28/10/2022 và công văn số 12821/BTC-TCHQ ngày 05/12/2022.

2.4.13. Về thủ tục hải quan đối với phương tiện quay vòng

a) Quy định hiện hành: Điều 49 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP.

b) Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ: cơ bản giữ nguyên như tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP, ngoài ra sửa đổi một số nội dung: Trước đây sử dụng Bảng kê là bản giấy thì tại Nghị định sửa đổi là bản điện tử; bổ sung quy định cont có hàng cũng phải làm thủ tục hải quan; bổ sung quy định về kiểm tra, giám sát hải quan đối với phương tiện quay vòng, đảm bảo phương tiện quay vòng tạm nhập phải tái xuất ra khỏi lãnh thổ Việt Nam; sửa đổi quy định về địa điểm làm thủ tục hải quan.

c) Vướng mắc:

Điều 49 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP hiện nay quy định 4 loại phương tiện quay vòng trong đó có 2 loại có số quản lý, ký mã hiệu để phân biệt với nhau, còn 2 loại không có số, ký hiệu để phân biệt, do đó cần có cách thức quản lý riêng đối với 2 dạng phương tiện chứa hàng. Đối với container có chứa hàng khi nhập khẩu hoặc xuất khẩu hiện chỉ khai báo làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa chứa bên trong mà không phải làm thủ tục đối với vỏ container dẫn đến khó khăn cho công tác theo dõi, quản lý của cơ quan hải quan

Ngoài ra, hiện chưa có quy định cụ thể về địa điểm lưu giữ, thời hạn lưu giữ tại Việt Nam, thủ tục thay đổi mục đích sử dụng phương tiện chứa hàng, thủ tục hải quan đối với phương tiện chứa hàng xuất khẩu, nhập khẩu theo các hợp đồng mua bán, thuê mua tài chính hoặc hình thức khác hình thức tạm nhập, tái xuất,... dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý của cơ quan hải quan.

c) Đề xuất:

- Cấu trúc lại các điểm khoản để thuận lợi cho quá trình nghiên cứu, thực hiện văn bản.

- Phân biệt thủ tục hải quan đối với phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng có ký mã hiệu cố định và các phương tiện quay vòng khác để chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đảm bảo thuận lợi cho cơ quan hải quan và người khai hải quan trong thực hiện thủ tục hải quan.

- Bổ sung thêm địa điểm lưu giữ đảm bảo cơ quan hải quan kiểm soát được phương tiện chứa hàng theo phương thức quay vòng tránh trường hợp hàng hóa được bán, sử dụng sai mục đích đã đăng ký với cơ quan hải quan như sử dụng container làm kho hàng, xây nhà, ... mà không thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng.

- Bổ sung thêm nội dung: “Phương tiện chứa hàng hóa nếu xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng mua bán, hợp đồng thuê mua tài chính hoặc hình thức khác thì thực hiện thủ tục hải quan như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại Mục 5 Chương này” để tránh trường hợp doanh nghiệp thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu container, ... nhưng lại không thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu theo quy định mà chỉ thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập/tạm xuất đối với phương tiện chứa hàng theo phương thức quay vòng.

- Sửa đổi tiết a.3 khoản 3 Điều 49 giảm hồ sơ “Giấy phép tạm nhập khẩu hoặc tạm xuất khẩu” do các quy định quản lý chuyên ngành không yêu cầu giấy phép nêu trên khi tạm nhập/tạm xuất đối với các phương tiện chứa hàng quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 49 dự thảo Nghị định.

2.4.14. Về thủ tục đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập

a) Quy định hiện hành: Điều 50, Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 55a Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 23, 24, 25, 26, 28, 29 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP.

b) Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung từ Điều 50 đến Điều 55a.

c) Vướng mắc: Qua rà soát, Bộ Tài chính nhận thấy các TTHC quy định tại Điều 50, Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 55a Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP có trình tự thực hiện, tính chất công việc, thời hạn giải quyết tương tự nhau, chỉ khác nhau về một số ít thành phần hồ sơ. Bộ cục các Điều này gồm các nội dung: (1) Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất; (2) Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập; (3) Địa điểm làm thủ tục hải quan; (4) Thủ tục hải quan; (5) Thời hạn tạm nhập, tái xuất, tạm xuất tái nhập, gia hạn thời hạn tạm nhập, tạm xuất; (6) Các quy định mang tính đặc thù của từng mục đích tạm nhập, tạm xuất: chuyển mục đích sử dụng, tạm nhập tái xuất để nghiên cứu không đáp ứng việc nguyên trạng hàng hóa.

c) Đề xuất:

- Gộp các Điều 50, Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 55a thành Điều 50 để đảm bảo cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo yêu cầu của Chính phủ tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025. Theo đó, gộp từ 07 Điều thành 01 Điều và cắt giảm 06 TTHC;

- Bãi bỏ quy định phải nộp các loại chứng từ sau đây so với dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ để đảm bảo không làm phát sinh các quy định mới:

+ Văn bản chỉ định giao hàng cho doanh nghiệp thuê, mượn lại của chủ sở hữu hàng hóa ở nước ngoài trong trường hợp chủ sở hữu hàng hoá ở nước ngoài chỉ định cho doanh nghiệp khác ở Việt Nam tiếp tục thuê, mượn;

+ Hợp đồng hoặc thỏa thuận bảo hành (đối với trường hợp tạm nhập hàng hóa để bảo hành, có ghi rõ điều khoản thay thế trong trường hợp thay thế) hoặc Hợp đồng dịch vụ sửa chữa (đối với trường hợp tạm nhập hàng hóa để sửa chữa);

+ Hợp đồng hoặc thỏa thuận bảo hành (đối với trường hợp tạm xuất hàng hóa để bảo hành) hoặc Hợp đồng dịch vụ sửa chữa (đối với trường hợp tạm xuất hàng hóa để sửa chữa) khi làm thủ tục tạm xuất.

- Địa điểm làm thủ tục hải quan: Để phù hợp với mô hình thông quan tập trung và thuận lợi cho người khai hải quan, tại dự thảo Nghị định cho phép người khai hải quan được lựa chọn làm thủ tục hải quan tại cơ quan hải quan nơi thuận tiện thay vì quy định phải làm thủ tục hải quan tại các đơn vị Hải quan cụ thể như trước đây (cửa khẩu nhập, nơi tổ chức hội chợ, triển lãm, nơi quản lý cơ sở sản xuất, chuyên phát nhanh, ...).

2.4.15. Về thủ tục đối với hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh

a) Quy định hiện hành: Điều 58, Điều 59, Điều 60 Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 35, 36 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP.

b) Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ: Kế thừa quy định tại Nghị định 08/2015/NĐ-CP, Nghị định 59/2018/NĐ-CP và sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

- Điều 59:

+ Sửa lại quy định gửi hành lý tại kho của hải quan thành gửi vào kho của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng tại cửa khẩu và bổ sung quy định khách xuất cảnh chỉ được gửi hành lý vào kho trước khi vào khu cách ly; bổ sung quy định doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng gửi thông tin về hành lý gửi kho cho Hải quan cửa khẩu theo mẫu số 01/TBHLGK/GSQL tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định này trước khi kết thúc ngày làm việc.

+ Bổ sung thêm trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi, cảng tại cửa khẩu trong việc xác định chủ sở hữu hành lý thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ để có cơ sở xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Bổ sung trách nhiệm của hãng hàng không trong việc phối hợp với cơ quan hải quan trong việc xử lý hành lý theo quy định của pháp luật trong trường hợp hành lý vận chuyển bằng đường hàng không, không có thể hành lý, không xác định được chủ sở hữu hành lý.

- Điều 60: Bổ sung quy định: “đối với hành lý gửi cùng chuyến đi vượt quá định mức miễn thuế, người nhập cảnh thực hiện thủ tục hải quan ngay sau khi làm thủ tục nhập cảnh” tại Khoản 4; Bổ quy định về văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành đối với hành lý của người nhập cảnh tại Khoản 5, Khoản 6.

d) *Vướng mắc:*

- Quy định “Khách xuất cảnh chỉ được gửi hành lý vào kho trước khi vào khu cách ly” là không cần thiết vì trường hợp xuất cảnh thì việc gửi hành lý vào kho trước khi vào khu cách ly không liên quan đến trách nhiệm của cơ quan hải quan.

- Quy định về xử lý theo quy định của pháp luật trong trường hợp người xuất cảnh, nhập cảnh có văn bản từ bỏ hành lý tạm gửi hoặc quá thời hạn tạm gửi mà không nhận lại...chưa rõ xử lý theo pháp luật nào, gây khó khăn cho cơ quan hải quan trong việc xử lý.

d) *Đề xuất:*

- Bổ quy định “Khách xuất cảnh chỉ được gửi hành lý vào kho trước khi vào khu cách ly” tại Khoản 5 Điều 59.

- Bổ sung cụ thể việc xử lý trong trường hợp người xuất cảnh, nhập cảnh có văn bản từ bỏ hành lý tạm gửi hoặc quá thời hạn tạm gửi mà không nhận lại...theo hướng xử lý như đối với hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan theo Thông tư số 203/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan.

2.4.16. Về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa cung ứng cho tàu bay xuất cảnh, tàu biển nước ngoài neo đậu tại cảng biển Việt Nam

a) *Quy định hiện hành:* Chưa có quy định.

b) *Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ:* Bổ sung 02 Điều:

Điều 60a. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa cung ứng cho tàu bay xuất cảnh.

Điều 60b. Thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan đối với hàng hóa tạm nhập khẩu để cung ứng cho tàu biển nước ngoài neo đậu tại cảng biển Việt Nam.

c) *Vướng mắc:* Hàng hóa cung ứng cho tàu bay xuất cảnh và tàu biển nước ngoài neo đậu tại cảng biển Việt Nam có tính tương đồng về bản chất pháp lý:

- Cùng mục đích quản lý: Cả hai điều đều điều chỉnh thủ tục hải quan đối với hàng hóa cung ứng cho phương tiện vận tải quốc tế (tàu bay xuất cảnh và tàu

biển neo đậu tại cảng Việt Nam). Dù khác nhau về đối tượng (hàng không với hàng hải), đều thuộc nhóm “hàng hóa phục vụ xuất cảnh”.

- Cơ chế kiểm soát chung: Cả hai hoạt động đều yêu cầu giám sát hải quan tại kho ngoại quan, cửa khẩu hoặc cơ sở sản xuất, đăng ký tờ khai hải quan một lần, giao nhận nhiều lần và thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan theo loại hình xuất nhập khẩu tương ứng.

d) Đề xuất: ghép chung thành một điều để tránh trùng lặp quy định về thủ tục kiểm tra, giám sát, đồng thời đơn giản hóa văn bản pháp luật.

2.4.17. Về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu bay xuất nhập cảnh, quá cảnh

a) Quy định hiện hành: Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh quy định từ Điều 61 đến Điều 64 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung từ khoản 31 đến khoản 35 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP.

b) Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung Điều 61, Điều 63 và Điều 64; bãi bỏ Điều 62. Trong đó,

- Đã chuyển các nội dung quy định thời hạn cung cấp thông tin hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh tại Điều 62 về Điều 61 để thuận lợi cho việc nghiên cứu, thực hiện; bổ sung quy định về việc khai sửa đổi, bổ sung đối với từng loại chứng từ thuộc hồ sơ hải quan tại Điều 61 để người khai hải quan và cơ quan hải quan có căn cứ thực hiện, đồng thời bãi bỏ Điều 62 tại dự thảo Nghị định, trong đó có sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 61 cụ thể như sau: “Đối với tàu bay nhập cảnh: c) Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan: c.1) Các chứng từ quy định tại điểm a.1, a.2 khoản 1 Điều này được thực hiện trước khi hoàn thành thủ tục hải quan đối với hàng hóa và hàng hóa chưa đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan. Riêng thời hạn sửa đổi, bổ sung thông tin về tên hàng, số lượng được thực hiện trước thời điểm tàu bay đến cảng;”

- Kế thừa khoản 3 Điều 63 quy định tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP (chỉ sửa kỹ thuật từ khoản 3 thành khoản 6 Điều 63): *6. Tổng cục Hải quan có trách nhiệm xây dựng hệ thống tiếp nhận thông tin điện tử từ người khai hải quan và chia sẻ thông tin cho các cơ quan liên quan tại cảng hàng không.*

c) Vướng mắc:

- Thực tế phát sinh yêu cầu khai sửa đổi, bổ sung về tên hàng, số lượng, trọng lượng. Vì vậy, nếu cơ quan hải quan chưa hoàn thành thủ tục hải quan đối với hàng hóa và hàng hóa chưa đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan mà doanh nghiệp tự phát hiện sai khác thì đề xuất cần để doanh nghiệp được chủ động được khai sửa đổi, bổ sung.

- Tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP quy định: “2. Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Công an và Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm xây dựng và kết nối hệ thống với Cổng thông

tin một cửa quốc gia để tiếp nhận, xử lý thông tin hoặc trực tiếp truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia để tiếp nhận, xử lý thông tin.”

d) Đề xuất:

- Bỏ nội dung riêng thời hạn sửa đổi, bổ sung thông tin về tên hàng, số lượng được thực hiện trước thời điểm tàu bay đến cảng tại điểm c.1 khoản 1 Điều 61 về thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ hải quan.

- Bỏ quy định tại khoản 6 Điều 63 dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ để đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ trong quá trình triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị định số 85/2019/NĐ-CP.

2.4.18. Về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với tàu biển xuất nhập cảnh

a) Quy định hiện hành: Điều 65, 66, 67, 68 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung từ khoản 36 đến khoản 39 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP

b) Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ:

- Sửa đổi Điều 65 theo hướng: chuyển các nội dung quy định về “Thời hạn cung cấp thông tin hồ sơ hải quan” tại Điều 66 vào quy định tại Điều 65 để đảm bảo tính thống nhất về trình tự, người khai hải quan và cơ quan hải quan có đầy đủ căn cứ thực hiện, thuận tiện hơn khi tra cứu, đọc và thi hành.

- Bổ sung quy định về thời hạn sửa đổi, bổ sung thông tin về bản khai hàng hóa, thông tin về vận đơn, lệnh giao hàng như nêu tại điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 65 dự thảo để đảm bảo minh bạch trách nhiệm các bên (hải quan và người khai hải quan) trong thời hạn được khai sửa đổi, bổ sung nhất là khi ứng dụng Hệ thống hải quan số tới đây.

- Bãi bỏ Điều 66 vì: Nội dung khoản 1, 2, 3 Điều 66 về thời hạn cung cấp thông tin hồ sơ hải quan đã được quy định tại Điều 65 dự thảo; Nội dung khoản 4 Điều 66 về phương thức nộp hồ sơ hải quan đã được quy định tại khoản 2 Điều 67 dự thảo (quy định đã bổ sung làm rõ gồm cả 02 phương thức thủ công và điện thì thực hiện khai gồm các chỉ tiêu và mẫu do đơn vị nào hướng dẫn, ban hành).

- Sửa đổi Điều 67 theo hướng sau: Sửa tên của Điều 67 từ “Tiếp nhận và xử lý hồ sơ hải quan” thành “Thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng” và bố cục lại các khoản của Điều 67 hiện hành theo hướng quy định rõ nội dung, trình tự thực hiện thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng đảm bảo việc theo dõi, thực hiện sẽ bao quát, đầy đủ các trường hợp hơn so với quy định hiện hành; Bổ sung quy định khoản 1 (Đăng ký thông tin chung về tàu biển xuất nhập cảnh) Điều 67 dự thảo với mục tiêu tạo cơ sở pháp lý để khi triển khai Hệ thống hải quan số.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4 Điều 68 theo hướng bổ sung trách nhiệm “vận chuyển hàng hóa lưu giữ tại cảng biển gây ô nhiễm môi trường, hàng hóa không đủ điều kiện tập kết tại cảng do Hãng tàu hoặc người được Hãng tàu ủy

quyền đã khai báo khi tàu nhập cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo yêu cầu của cơ quan hải quan” vào điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều 68 để quy định rõ trách nhiệm pháp lý với Thuyền trưởng, Hãng tàu hoặc người được Hãng tàu ủy quyền và tạo cơ sở để cơ quan hải quan dừng làm thủ tục nhập cảnh đối với tàu biển của Hãng tàu đã (vô tình hay cố ý) vận chuyển lô hàng gây ô nhiễm vào Việt Nam mà không vận chuyển ra khỏi lãnh thổ Việt Nam như bổ sung tại điểm c khoản 4 Điều 68 dự thảo. Ngoài ra, bổ sung điểm vào khoản 4 Điều 68 quy định liên quan đến việc Hãng tàu hoặc người được Hãng tàu ủy quyền có trách nhiệm cung cấp thông tin lệnh giao hàng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

c) Vương mắc và đề xuất:

- Đề xuất sửa đổi tên Điều 65, lý do: Tại Điều 95, Điều 96 Nghị định 58/2017/NĐ-CP đã có quy định về thủ tục tàu biển nước ngoài đã nhập cảnh sau đó vào cảng biển khác của Việt Nam, tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam (chuyển cảng) và thực tế tại khoản 4 Nghị định 08, 59 cũng đã có quy định về hồ sơ tàu chuyển cảng. Do đó, đề xuất bổ sung cụm từ “chuyển cảng” tại tên Điều 65 để bao quát nội dung đã quy định nêu trên.

- Đề xuất bỏ điểm a.9 khoản 1 Điều 65 vì lý do: Qua rà soát các chỉ tiêu thông tin tại lệnh giao hàng (gồm Số vận đơn chủ, Số vận đơn thứ cấp, Cảng xếp hàng, Cảng dỡ hàng, Địa điểm giao hàng, Mô tả hàng hóa, Số kiện hàng, Đơn vị tính số lượng kiện, Trọng lượng, Đơn vị tính trọng lượng, Số hiệu container, Số seal của container...) của hãng tàu cho thấy các chỉ tiêu này đều đã được khai báo trên Bản khai hàng hóa và thông tin vận đơn trên Cổng thông tin một cửa quốc gia. Hơn nữa, do mỗi lô hàng (theo vận đơn) hoặc mỗi container sẽ có 1 lệnh giao hàng; do đó, với khối lượng container qua cảng biển lớn sẽ phát sinh khối lượng lớn lệnh giao hàng tương ứng trong khi Cổng thông tin một cửa nếu chưa kịp thời nâng cấp sẽ gây khó khăn cho quá trình thực hiện; vì vậy, đề xuất bỏ nội dung điểm a.9 khoản 1 Điều 65.

- Đề xuất sửa điểm c.2 khoản 1 Điều 65 vì lý do: Thực tế phát sinh yêu cầu khai sửa đổi, bổ sung về tên hàng, số lượng, trọng lượng. Vì vậy, nếu hàng hóa chưa đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan mà doanh nghiệp tự phát hiện sai khác thì đề xuất cần để doanh nghiệp được chủ động được khai sửa đổi, bổ sung.

- Đề xuất đưa nội dung bổ sung khoản 1 Điều 67 vì lý do: Để thống nhất việc quản lý thông tin phương tiện vận tải thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, đồng bộ các quy định pháp lý có liên quan, đề xuất đưa nội dung bổ sung khoản 1 Điều 67 nêu trên sang dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Đề xuất bỏ cụm từ “điểm a.6, điểm a.7 khoản 2 Điều 65” tại khoản 1 Điều 67 vì lý do: Thực tế đối với tàu xuất cảnh trước thời hạn nộp hồ sơ chậm

nhất 1 giờ trước khi dự kiến rời cảng và trong khoảng thời gian trước khi rời cảng vẫn tiếp tục khai thác dẫn đến việc thường xuyên phát sinh thay đổi về thông tin đã khai ban đầu. Việc yêu cầu nộp bản chụp giấy tờ giải trình, chứng minh việc sửa đổi, bổ sung sau khi tàu xuất cảnh như quy định tại khoản 1 Điều 67 sẽ gây khó khăn cho các đại lý, hãng tàu và cơ quan hải quan. Hơn nữa, hiện nay cơ quan hải quan đã có hệ thống giám sát hải quan tự động đề theo dõi thông tin hàng hóa đưa ra khỏi cảng, kho, bãi theo từng tờ khai hải quan xuất khẩu để làm cơ sở để cho phép phê duyệt khai sửa đổi, bổ sung.

- Đề xuất bổ sung nội dung điểm d khoản 1 và điểm c khoản 6 Điều 67 vì lý do: Cục Hải quan nhận được báo cáo vướng mắc của một số Chi cục Hải quan khu vực (Hải Phòng, Quảng Ninh) nơi có hoạt động giám sát hải quan đặc thù là việc xếp dỡ, giao nhận hàng hóa từ PTVT xuất nhập cảnh xuống PTVT nội địa và ngược lại (chuyển tải, sang mạn) trên biển; theo đó, PTVT xuất nhập cảnh sẽ phải neo đậu tại khu vực cảng nổi (như khu vực Hòn Nét, Hòn Gai...) cách xa khu vực đất liền (có vị trí cách xa đến 10 hải lý) dẫn đến phát sinh khó khăn trong quá trình giám sát hải quan, cụ thể: Theo quy định hiện hành thì chưa có quy định người khai hải quan phải thông báo kế hoạch chuyển tải, sang mạn trước khi tàu biển đến khu vực neo đậu, chuyển tải để cơ quan hải quan có thông tin thực hiện giám sát theo quy định. Hơn nữa, do đặc thù loại hình hàng hóa chuyển tải, sang mạn là hàng rời, hàng lỏng (không thể giám sát trực quan bằng mắt thường) hay tàu XNC và tàu nội địa khi chuyển tải thực hiện việc chuyển tải thông qua các trang thiết bị (cần cẩu chuyên dùng, đường ống) nên công chức hải quan không thể trực tiếp lên tàu để kiểm tra hoặc thực hiện phương thức giám sát như niêm phong hải quan và cũng không thể di chuyển theo các tàu chuyển tải do số lượng tàu chuyển tải nhiều trong khi lực lượng giám sát của hải quan ít; Do vậy, đề cơ quan hải quan có cơ sở pháp lý, có đầy đủ thông tin và có biện pháp giám sát phù hợp để đảm bảo công tác giám sát hàng hóa, đề xuất điểm d khoản 1 và điểm c khoản 6 Điều 67 và bổ sung điểm d khoản 1 Điều 68 như dự thảo Nghị định.

2.4.19. Về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan đối với PTVT xuất nhập cảnh qua cửa khẩu đường sắt

a) Quy định hiện hành: Từ Điều 69 đến Điều 73 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP

Trong đó, Khoản 2 Điều 71 (Thời hạn cung cấp thông tin hồ sơ hải quan) quy định như sau: “2. Đối với tàu xuất cảnh: Chậm nhất 30 phút đối với tàu khách và 01 giờ đối với tàu hàng trước khi tàu xuất cảnh rời ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa hoặc ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới, Trường ga hoặc Trường tàu hoặc người đại diện hợp pháp nộp cho Hải quan các chứng từ quy định tại Khoản 1 hoặc Khoản 2 Điều 70 Nghị định này.”

b) Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ:

Sửa đổi, bổ sung Điều 70, 71, 72, 73. Trong đó, khoản 2 Điều 71 (Thời hạn cung cấp thông tin và tiếp nhận hồ sơ hải quan) sửa đổi như sau: “2. Thời hạn sửa

đổi bổ sung thông tin hồ sơ hải quan: Người khai hải quan khai bổ sung các chứng từ, chỉ tiêu thông tin trước và sau khi hoàn thành kiểm tra hồ sơ đối với tàu nhập cảnh hoặc tàu xuất cảnh theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này. Riêng thời hạn sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu thông tin về tên hàng, số lượng, trọng lượng tại Giấy giao tiếp hàng hóa và Bản trích lược khai hàng hóa đối với tàu nhập cảnh thực hiện trước khi phương tiện nhập cảnh vào lãnh thổ Việt Nam.

c) Vướng mắc: Thực tế phát sinh yêu cầu khai sửa đổi, bổ sung về tên hàng, số lượng, trọng lượng. Vì vậy, nếu hàng hóa chưa đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan mà doanh nghiệp tự phát hiện sai khác thì đề xuất cần để doanh nghiệp được chủ động được khai sửa đổi, bổ sung.

d) Đề xuất: Để tránh phát sinh vướng mắc như nêu trên trong quá trình thực hiện, đề xuất bỏ nội dung “*Riêng thời hạn sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu thông tin về tên hàng, số lượng, trọng lượng tại Giấy giao tiếp hàng hóa và Bản trích lược khai hàng hóa đối với tàu nhập cảnh thực hiện trước khi phương tiện nhập cảnh vào lãnh thổ Việt Nam*”; đồng thời để có căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục điện tử cho tàu hỏa liên vận khi hệ thống CNTT đáp ứng yêu cầu, dự thảo bổ sung nội dung quy định về việc thực hiện khai báo điện tử khi hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng việc khai báo bằng phương thức điện tử tại khoản 1 Điều 71 dự thảo.

2.4.20. Về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan đối với PTVT xuất nhập cảnh qua cửa khẩu đường bộ

a) Quy định hiện hành:

Thủ tục kiểm tra, giám sát hải quan với phương tiện vận tải đường bộ được quy định tại Điều 74, Điều 75, Điều 76, Điều 77, Điều 78, Điều 80, Điều 81 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung từ khoản 70 đến khoản 78 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP; theo đó, hồ sơ để thực hiện thủ tục hải quan xuất cảnh, nhập cảnh đang thực hiện bằng biện pháp thủ công (hồ sơ giấy).

Ngoài ra, quy định về thủ tục hải quan đối với PTVT đường bộ XNK còn được điều chỉnh bởi các Hiệp định vận tải đường bộ Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia, Việt Nam - Trung Quốc, Hiệp định GMS, Hiệp định đường sắt Việt Nam - Trung Quốc, Hiệp định vận tải đường thủy Việt Nam - Campuchia; Luật Hải quan, Luật trật tự an toàn giao thông đường bộ, Luật thủy nội địa, Nghị định số 151/2024/NĐ-CP của Chính phủ, các Thông tư của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính về quản lý phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh.

b) Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ: Sửa đổi Điều 74, 75, 77, 77a, 79, 81.

c) Vướng mắc và đề xuất:

- Qua rà soát cho thấy quy định người khai phải nộp “Giấy đăng ký phương tiện đối với ô tô, mô tô, xe gắn máy nước ngoài tạm nhập”, “Giấy đăng ký phương tiện đối với phương tiện vận tải đường thủy *nội địa* nước ngoài tạm nhập” như nêu tại điểm b khoản 1 Điều 74, điểm b khoản 1 Điều 75, điểm b

khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 79 sẽ làm phát sinh thêm hồ sơ, giấy tờ cho người khai hải quan do khi được cấp giấy phép thì người khai hải quan đã đảm bảo phải có Giấy đăng ký phương tiện. Cơ quan hải quan chỉ cần căn cứ thông tin khai trên tờ khai phương tiện vận tải xuất nhập cảnh để giải quyết thủ tục nhập cảnh cho phương tiện, trong quá trình hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam, cơ quan chức năng có thẩm quyền có trách nhiệm kiểm tra giấy tờ này. Do vậy, đề nghị bỏ quy định phải nộp giấy phép trên để đơn giản thủ tục hành chính theo đúng chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ.

- Về khoản 2 Điều 74:

Thực tế phát sinh yêu cầu khai sửa đổi, bổ sung về tên hàng, số lượng, trọng lượng. Vì vậy, nếu hàng hóa chưa đưa ra khỏi khu vực giám sát hải quan mà doanh nghiệp tự phát hiện sai khác thì đề xuất cần để doanh nghiệp được chủ động được khai sửa đổi, bổ sung.

Để có căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục điện tử cho PTVT đường bộ khi hệ thống CNTT đáp ứng yêu cầu, dự thảo bổ sung nội dung quy định về việc thực hiện khai báo điện tử khi hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng việc khai báo bằng phương thức điện tử tại khoản 2 Điều 74 dự thảo.

- Về Điều 77: Dự thảo kết cấu lại Điều 77 để phù hợp với các nội dung quy định tại Điều 74, 75.

- Về Điều 77a: Qua rà soát nội dung quy định tại Điều 77a quy định về thủ tục hải quan với một số trường hợp đặc thù (thủ tục hải quan với phương tiện xuất nhập cảnh thường xuyên qua một cửa khẩu, phương tiện xuất nhập cảnh là xe cứu thương, cứu hộ, thủ tục xuất nhập cảnh cho phương tiện cơ giới nước ngoài được cấp phép cho tham gia giao thông tại Việt Nam) và Điều 81 quy định thủ tục kiểm tra giám sát với phương tiện thô sơ qua lại biên giới giao nhận hàng, phương tiện của cá nhân, tổ chức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại biên giới do nhu cầu sinh hoạt... đều thuộc các trường hợp đặc thù; do đó bãi bỏ nội dung quy định tại Điều 77a, đưa nội dung các khoản 1, 2, 3, 5 của Điều 77a để quy định tại Điều 81 thành 01 điều chung quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát đối với một số trường hợp đặc thù.

Ngoài ra, qua rà soát quy định của các Hiệp định vận tải đường bộ Việt Nam ký kết với các nước chung biên giới thì cơ quan có thẩm quyền của nước tham gia Hiệp định cấp giấy liên vận/giấy phép vận tải cho phương tiện vận tải của nước đó để cho phép qua lại biên giới với các nước ký kết Hiệp định. Việc cơ quan Việt Nam cấp phép cho phương tiện của nước khác để xuất cảnh sang nước có chung biên giới không ký hiệp định với nước có phương tiện vận tải xuất nhập cảnh không đảm bảo nguyên tắc thực hiện các Điều ước quốc tế cũng như qua rà soát văn bản quy phạm pháp luật thì không có cơ quan nào cấp phép trong trường hợp này. Do đó, bãi bỏ nội dung tại khoản 4 Điều 77a, không đưa nội dung này vào Điều 81 mới của dự thảo Nghị định.

- Về Điều 81:

+ Sửa tên Điều 81 thành: Thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát giám sát đối với một số trường hợp đặc thù.

+ Chuyển nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3, 5 của Điều 77a thành khoản 1, 2, 3, 4 Điều 81 và bổ sung quy định thủ tục với phương tiện chở hàng hóa thường xuyên qua lại biên giới tại khoản 1 Điều 81 dự thảo.

Khoản 1 Điều 69 Luật Hải quan quy định: *“Khi làm thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải, chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền phải khai hải quan; nộp, xuất trình các chứng từ vận tải để làm thủ tục hải quan; cung cấp các thông tin, chứng từ về hàng hóa, vật dụng trên phương tiện vận tải. Trường hợp các chứng từ liên quan đã đáp ứng yêu cầu của việc kiểm tra hải quan thì chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền không phải khai hải quan, trừ hành lý, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của người xuất cảnh, nhập cảnh trên phương tiện vận tải.”* Như vậy, Nghị định 08 quy định cho phép phương tiện chở khách thường xuyên xuất nhập cảnh qua cùng một cửa khẩu đáp ứng điều kiện kiểm tra giám sát hải quan được thực hiện khai hải quan 01 lần thời hạn 30 ngày. Do đó, tại khoản 1 Điều 81 dự thảo đề xuất bổ sung cho phép phương tiện vận chuyển hàng hóa thường xuyên xuất cảnh, nhập cảnh qua cùng một cửa khẩu, đáp ứng điều kiện kiểm tra giám sát hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Hải quan được mở tờ khai hải quan 01 lần, thời hạn 30 ngày, các lần xuất cảnh, nhập cảnh tiếp theo thì thực hiện theo dõi bằng sổ hoặc phần mềm quản lý.

Ngoài ra, Nghị định số 152/2013/NĐ-CP ngày 04/11/2013 (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 57/2015/NĐ-CP ngày 16/6/2015) và Nghị định số 80/2009/NĐ-CP ngày 10/01/20029 đã được thay thế bởi Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Do đó, cần sửa đổi nội dung tại khoản 4 Điều 81 của dự thảo Nghị định cho phù hợp với quy định của văn bản pháp luật hiện hành

+ Để đảm bảo cơ sở pháp lý triển khai thực hiện Đề án xây dựng cửa khẩu thông minh tại tuyến đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa khu vực mốc 1119-1120 và đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa khu vực mốc 1088/2-1089 thuộc cặp cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (Việt Nam) - Hữu Nghị Quan (Trung Quốc) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 865/QĐ-TTg ngày 17/08/2024 và có căn cứ pháp lý hướng dẫn thực hiện kiểm tra giám sát đối với các phương thức vận chuyển hàng hóa mới phát sinh, dự thảo bổ sung khoản 5 Điều 81 nội dung quy định thủ tục kiểm tra, giám sát với trường hợp hàng hóa vận chuyển qua cửa khẩu biên giới đường bộ bằng phương thức vận tải khác theo thỏa thuận của Việt Nam với các nước có chung biên giới (phương tiện vận tải hàng hóa vận hành tự động, không có người điều khiển qua lại cửa khẩu biên giới đất liền trong phạm vi cố định, băng tải, ống dẫn, đường truyền hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật hoặc thỏa thuận của hai nước).

Nội dung quy định như dự thảo tạo cơ sở pháp lý để hướng dẫn thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan với các phương thức vận tải hàng hóa mới phát sinh sinh phương tiện vận tải hàng hóa tự vận hành, không có người điều khiển giữa cửa khẩu Việt Nam – Trung Quốc, hệ thống băng tải vận chuyển than giữa Lào và Việt Nam.

+ Tại các Hiệp định vận tải song phương của Việt Nam với các nước chung biên giới đều quy định phương tiện vận tải qua lại biên giới đều phải được cấp giấy phép vận tải (Hiệp định tạo thuận lợi đường bộ Việt Nam – Trung Quốc, Hiệp định tạo thuận lợi đường thủy Việt Nam - Campuchia) hoặc giấy phép liên vận (Hiệp định tạo thuận lợi đường bộ Việt Nam - Campuchia, Hiệp định đường bộ Việt Nam - Lào (Hiệp định Việt Lào quy định “*phương tiện đi vào lãnh thổ*” bên ký kết phải có giấy phép liên vận)) và phương tiện vận tải được làm thủ tục tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập. Mặt khác, theo quy định tại Nghị định 112/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2014, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 34/2023/NĐ-CP ngày 16/6/2023 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền và quy định tại Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ quy định về địa bàn hoạt động hải quan thì khu vực cửa khẩu và địa bàn hoạt động hải quan không trùng nhau, do đó, tại dự thảo Nghị định này Bộ Tài chính đề xuất bãi bỏ nội dung quy định về phương tiện vận tải vào khu vực biên giới giao nhận hàng được quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 Nghị định 08/2015/NĐ-CP. Theo nội dung dự thảo, tất cả phương tiện vận tải qua lại biên giới đều phải làm thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan theo quy định tại Điều 74, 75, 77 Nghị định (mở tờ khai tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập) để đảm bảo thực hiện đúng quy định tại các Hiệp định cũng như đảm bảo việc kiểm tra giám sát hải quan, thực hiện quy định về việc thu phí, lệ phí hải quan đối với phương tiện xuất nhập cảnh.

+ Dự thảo Nghị định kế thừa nội dung quy định về kiểm tra giám sát hải quan với phương tiện thô sơ qua lại biên giới giao nhận hàng trong khu vực cửa khẩu, phương tiện của cá nhân tổ chức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại biên giới do nhu cầu sinh hoạt hàng ngày tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 81 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP vào khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 81 mới tại dự thảo.

Ngoài ra, dự thảo cũng bổ sung quy định phương tiện thô sơ vận chuyển, giao nhận hàng hóa theo quy định tại Điều này là phương tiện vận chuyển hàng hóa trong hoạt động thương mại biên giới để đảm bảo đúng bản chất của phương tiện vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu theo quy định pháp luật.

2.4.21. Về hàng hóa gửi kho ngoại quan

a) Quy định hiện hành: Việc quản lý kho ngoại quan được quy định từ Điều 83 đến Điều 88 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, trong đó quy định các nội dung về: thủ tục hàng hóa đưa vào đưa ra kho ngoại quan, các vấn đề liên quan đến thuê kho ngoại quan, giám sát hải quan đối với kho ngoại quan.

b) Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ: Sửa đổi khoản 4, bổ sung khoản 5 Điều 86 theo hướng: Hướng dẫn việc xử lý đối với trường hợp hàng hóa đang trong quá trình lưu giữ tại Việt Nam nhưng chủ kho ngoại quan đề nghị tiêu hủy do đổ vỡ, hư hỏng, giảm phẩm chất hoặc quá hạn sử dụng. Quy định cụ thể thời hạn hàng hóa được lưu giữ tại cửa khẩu xuất sau khi đã đưa ra khỏi kho ngoại quan là 15 ngày kể từ ngày đến cửa khẩu xuất và cơ chế quản lý trong trường hợp không xuất được. Đồng thời hướng dẫn xử lý vi phạm, xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với trường hợp quá thời hạn lưu giữ tại cửa khẩu xuất mà không thể xuất khẩu.

c) Vướng mắc và đề xuất:

- Điều 86: Theo quy định pháp luật hiện hành thì chưa có hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp hàng hóa gửi kho ngoại quan vận chuyển đến cửa khẩu xuất nhưng chưa xuất được nên phải lưu giữ tại khu vực cửa khẩu xuất và hàng hóa quá thời hạn được phép gửi kho ngoại quan doanh nghiệp vẫn không tìm được đối tác để xuất khẩu xin được phép tiêu hủy hàng hóa; vì vậy, đề xuất cần sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 86 để theo hướng chủ kho ngoại quan phải có văn bản gửi Cục Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa thay cho việc gửi văn bản cho Cục Hải quan có kho ngoại quan.

d) Đề xuất: để tránh phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện, đề xuất sửa khoản 4, khoản 5 Điều 86 như dự thảo Nghị định gửi kèm.

2.4.22. Về kiểm tra sau thông quan

a) Quy định hiện hành: Các nội dung về kiểm tra sau thông quan hiện đang được quy định từ Điều 97 đến Điều 100 của Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 50 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP.

b) Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ: Bổ cục lại Điều 97, 98, 100 để thống nhất cách quy định về KTSTQ tại cơ quan hải quan và KTSTQ tại trụ sở người khai hải quan. Bổ sung làm rõ quy định về tạm dừng, thẩm quyền.

c) Vướng mắc: Trên cơ sở nội dung đã được phê duyệt tại tờ trình Chính phủ, căn cứ thực tiễn thực hiện, căn cứ các ý kiến tham gia về dự thảo Nghị định sửa đổi, Bộ Tài chính đã bổ sung, sửa đổi từ ngữ, một số nội dung để làm rõ và xử lý vướng mắc phát sinh.

d) Đề xuất:

- **Điều 98:** Bổ sung quy định “Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, ... về các nội dung liên quan đến **kết quả kiểm tra**, dự thảo kết luận.” để tránh trường hợp 10 ngày mà công ty chưa nhận được dự thảo do ngày lễ dài, ảnh hưởng đến quyền giải trình của Công ty.

Bổ sung thêm quy định đối với trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn ban hành kết luận KTSTQ là ngày thứ 7, chủ nhật, ngày lễ thì thời hạn ban hành kết luận là ngày làm việc tiếp theo để tránh trường hợp ảnh hưởng kỳ nghỉ lễ kéo dài, rút ngắn thời hạn ban hành kết luận, có thể làm ảnh hưởng đến chất lượng nội dung của kết luận do ban hành vội vàng (nội dung này để xử lý vướng mắc thực tiễn).

- **Điều 99:** Bỏ nội dung tạm dừng đề điều tra vì thực hiện điều tra theo pháp luật hình sự.

- **Điều 100:** Bổ sung khoản 1 về nguyên tắc áp dụng QLRR trong hoạt động KTSTQ. Quy định này phù hợp thực tiễn và căn cứ pháp lý hiện nay (Điều 17 Luật Hải quan, Điều 13, 14, 15 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, Thông tư số 81/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 06/2024/TT-BTC về áp dụng QLRR trong nghiệp vụ hải quan).

2.5. Nội dung đề xuất không sửa đổi, giữ nguyên quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP

2.5.1. Về xử lý kết quả kiểm tra hải quan

a) Quy định hiện hành: Điều 30 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

b) Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ: Nội dung Điều 30 được sửa đổi để đảm bảo trong trường hợp phát hiện việc khai sai thì thực hiện xử lý kịp thời, nếu người khai hải quan không đồng ý thì có thể khiếu nại và khởi kiện; trường hợp cơ quan hải quan phát hiện khai sai thì thực hiện xử lý ngay theo quy định của pháp luật.

c) Vương mắc:

Tại dự thảo Nghị định gửi lấy ý kiến các đơn vị vào năm 2024, Bộ Tài chính đã dự kiến sửa lại “Trường hợp không nhất trí với kết luận kiểm tra của cơ quan hải quan về tên hàng, mã số thì người khai hải quan **thực hiện** khiếu nại theo quy định của pháp luật”. Trong quá trình lấy ý kiến, Bộ Tài chính nhận được một số kiến nghị của doanh nghiệp liên quan đến Điều 30, cụ thể:

Hiệp hội doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam, Eurocham phản ánh: theo dự thảo lấy ý kiến, nếu doanh nghiệp không đồng ý với kết quả giám định hàng hóa, doanh nghiệp chỉ có 2 lựa chọn: khiếu nại hoặc khởi kiện; việc này mang tính áp đặt, gây khó khăn cho người khai, không mang tính công bằng khách quan theo pháp luật. Khi không có sự nhất trí, không có bên thứ ba giám định, phân tích phân loại thì doanh nghiệp bị áp thuế, bị phạt rồi khiếu nại sau. Thực tế phân loại hàng hoá rất phức tạp, hệ quả việc ấn định mã số thuế sai là rất lớn; việc khiếu nại hoặc khởi kiện thường tốn nhiều chi phí và thời gian...Kiến nghị sửa đổi theo hướng giống như quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

d) Đề xuất:

Trên cơ sở các vướng mắc nêu trên và sau khi nghiên cứu, rà soát, Bộ Tài chính đề xuất giữ nguyên quy định Điều 30 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP để đảm bảo đầy đủ quyền của người khai hải quan trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan.

2.5.2. Về việc kết nối, chia sẻ thông tin với cơ quan hải quan

a) Quy định hiện hành: Điều 36 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

b) Dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ:

Bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định về việc giao Bộ Tài chính hướng dẫn việc kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu trực tuyến với hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc báo cáo quyết toán nhập – xuất – tồn định kỳ; đối với doanh nghiệp thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu trực tuyến về việc quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc cho cơ quan hải quan là cơ sở để cơ quan hải quan xem xét và chỉ kiểm tra khi cho dấu hiệu vi phạm pháp luật.

c) Vướng mắc: Việc người khai hải quan trao đổi thông tin, chia sẻ dữ liệu ngay khi có biến động hay gửi vào cuối năm tài chính như hiện hành chỉ là phương thức thực hiện báo cáo quyết toán. Nội dung này ở cấp Nghị định đã đủ cơ sở pháp lý để Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC và Thông tư số 39/2018/TT-BTC sẽ hướng dẫn phương thức thực hiện.

d) Đề xuất: Không sửa đổi nội dung khoản 4 Điều 36 như tại dự thảo Nghị định đã trình Chính phủ, theo đó giữ nguyên quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

2.6. Nội dung sửa đổi mang tính kỹ thuật

Để đảm bảo dự thảo Nghị định có bố cục hợp lý, khoa học; ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày trong dự thảo rõ ràng, mạch lạc, trên cơ sở ý kiến của các đơn vị, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại dự thảo Nghị định, cụ thể: điểm a khoản 1 Điều 32; khoản 4 Điều 60;....

2.7. Hiệu lực thi hành:

Bộ Tài chính đề xuất hiệu lực thi hành của Nghị định cùng với thời hạn hiệu lực của Luật sửa đổi, bổ sung Luật Hải quan.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN

1. Nguồn nhân lực

- Công chức thuộc các Bộ, ngành liên quan đến việc thực hiện cơ chế một cửa quốc gia, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh,..

- Công chức hải quan các cấp.

- Cán bộ, công nhân viên của các doanh nghiệp tham gia hoạt động vận chuyển hàng hóa, xuất nhập khẩu hàng hóa, kinh doanh kho bãi,...

2. Nguồn tài chính

Nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ):

.....

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, Bộ Tài chính xin kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo:...).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tư pháp (để lấy ý kiến thẩm định);
- Lưu: VT, CHQ (06b).

BỘ TRƯỞNG